

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÀ			
Tại ngày 01/01/2014	9.627.543.200	728.895.577.872	738.523.121.072
Tăng khác	-	1.377.694.715	1.377.694.715
Tại ngày 31/12/2014	<u>9.627.543.200</u>	<u>730.273.272.587</u>	<u>739.900.815.787</u>
GIÁ TRỊ HAO MÔN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	2.701.715.273	139.718.770.709	142.420.485.982
Khấu hao trong năm	385.131.728	34.458.960.125	34.844.061.853
Tại ngày 31/12/2014	<u>3.086.817.001</u>	<u>174.177.730.834</u>	<u>177.264.547.835</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	<u>6.540.726.199</u>	<u>556.095.541.753</u>	<u>562.636.267.952</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>6.925.827.927</u>	<u>589.176.807.163</u>	<u>596.102.635.090</u>

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này, đồng thời cũng không có giá thị trường đáng tin cậy để trình bày.

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty bao gồm phần diện tích cho thuê tại các tòa nhà H2 Láng Hạ, tòa nhà Trung Hòa - Nhân Chính, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, tòa nhà N03 tại Hà Nội và tòa nhà 47 Điện Biên Phủ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	(Trình bày tại)	(Trình bày tại)
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	1.750.861.734.742	1.587.277.997.665
Đầu tư vào công ty liên kết, Liên doanh	1.602.047.783.306	1.588.999.122.296
Đầu tư dài hạn khác	2.322.754.630.600	2.345.856.178.585
	<u>5.675.664.148.648</u>	<u>5.622.133.298.546</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(920.552.648.737)	(949.709.224.322)
	<u>4.755.111.499.911</u>	<u>4.672.424.074.224</u>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	949.709.224.322	2.167.373.667.163
Tăng dự phòng trong năm	135.774.132.811	315.258.525.792
Giảm dự phòng trong năm	(164.930.708.396)	(1.532.922.968.633)
Số dư cuối năm	<u>920.552.648.737</u>	<u>949.709.224.322</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Tổng Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (Công ty liên kết của Tổng Công ty) có số dư tiền gửi lại một công ty tài chính khác với số tiền là 79 tỷ VND và số dư trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ghi sổ là 150 tỷ VND đã đáo hạn trên một năm nhưng chưa trích lập dự phòng cho hai khoản này. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel vẫn đang trong quá trình hoàn thiện phương án tái cơ cấu bao gồm phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nói trên theo yêu cầu của NHNN để đề nghị NHNN phê duyệt. Do chưa có hướng dẫn cụ thể từ NHNN, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel chưa tiến hành trích lập dự phòng cho hai khoản nói trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Theo đó, Tổng Công ty cũng chưa có cơ sở để trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty con	Giá trị vốn góp tại		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Loại động chính
		31/12/2014	31/12/2013	năm giữ (%)	Tỷ lệ phần số tầm (%)	
		VND	VND			
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	61.629.128.751	61.629.128.751	55,14%	55,14%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	95.559.621.839	95.559.621.839	51,23%	51,23%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (*)	72.121.519.331	72.121.619.331	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
4	Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 (*)	3.502.000.000	3.520.000.000	100,00%	100,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	33.026.714.843	33.026.714.843	51,00%	51,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 (**)	56.091.331.017	52.415.243.940	36,50%	36,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	84.072.109.967	84.072.109.967	54,23%	54,23%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
8	Công ty Cổ phần Vinaconex TM Nền (*)	8.313.000.000	8.313.000.000	73,55%	73,55%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	34.338.162.683	34.338.162.683	52,60%	52,60%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	55.236.137.563	55.236.137.563	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	8.565.440.415	8.565.440.415	51,93%	51,93%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	34.402.806.483	34.402.806.483	82,16%	82,16%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	35.109.154.062	35.109.154.062	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
14	Công ty Cổ phần Vinaconex 27	10.199.770.000	10.199.770.000	79,74%	57,32%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
15	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Văn Biện 7	217.000.007.623	255.000.207.623	76,33%	76,33%	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng
16	Công ty Cổ phần VIMECO	34.743.411.830	36.743.411.830	51,40%	51,40%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
17	Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	51.589.890.525	51.589.890.525	77,12%	76,25%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
18	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	6.799.399.132	6.799.399.132	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế
19	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Lắp dựng công nghệ môi (**)	1.424.940.000	1.424.940.000	42,50%	42,50%	Tư vấn thiết kế
20	Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng (*)	6.160.000.000	6.160.000.000	56,90%	56,90%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị VIỆT NAM - VINASINDO	4.770.541.550	4.770.541.550	85,20%	75,00%	Thương mại - dịch vụ
22	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	42.880.769.436	42.880.769.436	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
23	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	8.440.856.750	8.440.856.750	52,33%	51,00%	Thương mại - dịch vụ
24	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (*)	192.800.000.000	192.800.000.000	51,56%	53,56%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
25	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	49.000.000.000	49.000.000.000	30,00%	70,00%	Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
26	Công ty Cổ phần Vipaco	5.312.500.000	5.312.500.000	53,13%	51,25%	Sản xuất vật liệu xây dựng
27	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (*)	110.000.000.000	110.000.000.000	55,00%	55,00%	Thương mại - dịch vụ
28	Công ty Cổ phần Sản xuất Vinaconex	225.000.000.000	225.000.000.000	51,20%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
29	Công ty Cổ phần Vinaconex Đông Quân	47.000.000.000	47.000.000.000	96,52%	85,57%	Thương mại - dịch vụ
30	Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước	-	1.000.000.000			Thương mại - dịch vụ
31	Công ty Cổ phần Vật tư Vinaconex	22.666.520.900	22.666.520.900	59,12%	59,12%	Thương mại - dịch vụ
		1.750.861.134.742	1.687.277.957.665			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà VINAconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(*) Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt chủ trương thoái vốn các công ty này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 (Vinaconex 7) và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (Vinaconex R&D) thấp hơn 50%, tuy nhiên, Tổng Công ty chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị Vinaconex 7, Vinaconex R&D và có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này.

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh như sau:

STT	Tên công ty	Gửi trị vào góp tại	Gửi trị vào góp tại	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Trực tiếp (%)	Hoạt động chính
		31/12/2014	31/12/2013			
		Số lượng	Gửi trị (VNĐ)			
Góp vốn liên doanh						
1	Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh (i)		340.269.000.000	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
2	Công ty TNHH Quốc tế liên doanh VINACONEX - JANSI		10.62.950.281	29,00%	29,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
Công ty liên kết						
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex		110.515.000.000	29,09%	29,09%	Sản xuất công nghiệp
4	Công ty Cổ phần Nhân lực số Thương mại VINAONEX		11.362.000.000	48,97%	44,00%	Thương mại - dịch vụ
5	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm VINAVXD	-	35.409.354.350	0,00%	1,00%	Thi công xây lắp các công trình ngầm, thương mại dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6		34.788.609.112	16,00%	16,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả		601.000.000.000	10,00%	10,00%	Sản xuất xi măng
8	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11		40.831.913.033	40,48%	30,36%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
9	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (j)		332.000.000.000	19,00%	31,00%	Tài chính - ngân hàng
10	Công ty Cổ phần Sản xuất dịch Bê tông sẵn	-	3.000.000.000	0%	0%	Thương mại - dịch vụ
11	Công ty Cổ phần Ông sự Thủy tinh Vinaconex (iii)		3.000.000.000	22,33%	10,00%	Thương mại - dịch vụ
12	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình		66.359.995.000	10,33%	25,00%	Sản xuất công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang (iv)		43.111.081.600	-	21,00%	Đầu tư và khai thác đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang
			1.602.047.783.396			1.588.999.122.296

- (i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2012/NQ-HDQT ngày 21 tháng 3 năm 2012, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel. Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2012/NQ-HDQT ngày 10 tháng 7 năm 2012, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh. Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2013/NQ-HDQT ngày 09 tháng 5 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Cổ phần Ông sự Thủy tinh Vinaconex. Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (iv) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300846090 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2014, tỷ lệ lợi ích và quyền kiểm soát của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang đều là 21%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NIỆP KILAU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Lê Lợi, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Tổng Công ty như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>(Trình bày lại)</u>
		<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả (*)	1.923.525.000.000	2.007.226.547.985
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex -Viettel	92.500.000.000	92.500.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Việt Nam	61.200.000.000	72.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Quảng Ninh	52.761.753.930	52.761.753.930
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH VINA SANWA	25.005.670.788	25.005.670.788
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	24.000.000.000	24.000.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	191.762.205.882	12.362.205.882
	<u>2.322.754.630.600</u>	<u>2.345.856.178.585</u>

(*) Là khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả vay không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay VCG số 1 và Hợp đồng vay VCG số 2 ngày 24 tháng 10 năm 2013 và ngày kết thúc hợp đồng vay lần lượt là 29 tháng 8 năm 2021 và 29 tháng 11 năm 2015 với hạn mức cho vay tương ứng là 90.000.000 USD và 9.000.000 USD, lãi suất vay là 1,5%/năm.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày đầu năm	2.822.137.179	2.660.041.406
Tăng	2.571.863.873	1.382.672.751
Phân bổ vào chi phí trong năm	(3.407.487.762)	(1.220.576.978)
Tại ngày cuối năm	<u>1.986.513.290</u>	<u>2.822.137.179</u>

Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày cuối năm như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ	1.030.559.377	1.262.768.886
Chi phí sửa chữa lớn	953.553.913	1.166.486.182
Chi phí khác	2.400.000	392.882.111
	<u>1.986.513.290</u>	<u>2.822.137.179</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	259.938.921.779	426.864.107.077
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	123.044.502.221	150.161.010.100
	<u>382.983.424.000</u>	<u>577.025.117.177</u>

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 (i)	86.083.471.582	196.673.592.046
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy (i)	75.340.146.961	113.827.458.393
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (i)	84.582.858.236	98.095.181.041
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Hà Nội (i)	13.472.445.000	17.734.840.200
- Vay cá nhân	460.000.000	533.035.397
	<u>259.938.921.779</u>	<u>426.864.107.077</u>

- (i) Bao gồm các khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu bán hàng từ phương án sản xuất kinh doanh, và bằng các nguồn thu hợp pháp của Tổng Công ty. Các khoản vay có thời gian vay đến 12 tháng và lãi suất vay dao động từ 6,5%/năm đến 10%/năm.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	773.611.392	111.591.779
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.647.371.126
Thuế thu nhập cá nhân	761.691.249	1.193.667.764
	<u>1.535.302.641</u>	<u>5.952.630.669</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng	130.210.839.127	148.087.486.652
Chi phí lãi vay phải trả	4.494.088.744	11.121.613.937
Lệ phí mốc bọ và thuế chuyển quyền sử dụng đất	14.620.136.000	14.620.136.000
Các chi phí phải trả khác	6.604.250.484	8.106.057.997
	<u>155.929.314.355</u>	<u>181.935.294.586</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long - Tiền đất dự án III (i)	500.000.000.000	500.000.000.000
Kinh phí bảo trì các tòa nhà - NDS (i)	77.063.775.376	77.416.515.433
Thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp (iii)	-	42.565.009.558
Phải trả Ngân sách phân chênh lệch thu chi của dự án 15T	25.427.427.421	25.427.427.421
Kinh phí bảo trì các tòa nhà - Trung Hòa Nhân Chính (i)	20.065.801.077	20.241.081.846
Phải trả đơn vị tham gia góp vốn dự án Đầu tư Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2 (iv)	14.929.682.289	14.929.682.289
Cổ tức phải trả	1.763.206.254	1.599.559.254
Kinh phí công đoàn	178.272.821	277.106.236
Bảo hiểm xã hội	42.976.087	17.319.374
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	66.697.362.019	62.200.684.810
	<u>706.172.503.344</u>	<u>739.674.386.241</u>

- (i) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.
- (ii) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Tổng Công ty để đầu tư xây dựng Dự án StarCity Center là một khu tổ hợp thương mại tại khu đất HI Khu đô thị mới Đông Nam Trần Duy Hưng - Thành phố Hà Nội.
- (iii) Là khoản thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp liên quan đến tiền lãi vay trả cho ngân hàng nước ngoài liên quan đến khoản vay giữa Công ty và các ngân hàng nước ngoài vay hộ cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phá từ năm 2007 đến năm 2010 mà Tổng Công ty đã hoàn thiện hồ sơ miễn giảm theo hiệp định tránh đánh thuế 2 lần. Trong năm, Tổng Công ty quyết định phí giảm khoản phải trả và ghi nhận tăng thu nhập khác trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do năm nay đã có biên bản hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phá giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel. Theo đó, trách nhiệm của Tổng Công ty đã hoàn thành và không phát sinh nghĩa vụ nào khác liên quan tới việc chuyển nhượng cổ phần này.
- (iv) Tổng Công ty đã chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2 trong năm. Hiện tại, Tổng Công ty đang làm các thủ tục để phân khai số tiền phải trả lại các đơn vị tham gia góp vốn.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Là dự phòng báo hành cho Dự án N05 được Tổng Công ty trích lập 4,5% doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản lũy kế đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	1.464.011.992.302	1.611.413.353.829
	1.464.011.992.302	1.611.413.353.829
Số phải trả trong vòng 12 tháng	(123.044.502.221)	(150.161.010.100)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.340.967.490.081</u>	<u>1.461.252.343.729</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty như sau:

Ngân hàng	Tiền tệ	31/12/2014	31/12/2013
		VND	VND
- Ngân hàng BNP Paribas	(i) USD	185.989.262.584	220.184.834.486
- Ngân hàng Natexis	(ii) USD	101.966.366.518	129.336.079.058
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	(iii) USD	113.426.802.630	167.851.499.715
- Quỹ Đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội	(iv) VND	1.062.629.560.570	1.094.040.940.570
		1.464.011.992.302	1.611.413.353.829

- (i) Ngày 10 tháng 10 năm 2005, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có Đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 USD. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR 6 tháng cộng (1) 1,87%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 5 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR cộng 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.
- (iii) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 Đô la Mỹ. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (iv) Khoản vay Quỹ đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội phục vụ cho Dự án bảo tàng Hà Nội với lãi suất 0%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn kinh phí	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	4.417.106.730.000	355.104.902.000	295.752.292.131	63.565.269.013	(93.657.241.885)	301.530.354.257	5.342.402.305.516
Tăng khác	-	-	-	-	-	40.255.934.871	40.255.934.871
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	284.537.508.256	-	284.537.508.256
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	-	-	-	-	(670.000.000)	-	(670.000.000)
Quyết toán với ngân sách Nhà nước về kích phí nhận được	-	-	-	-	-	(93.606.920.224)	(93.606.920.224)
Tại ngày 01/01/2014	4.417.106.730.000	355.104.902.000	295.752.292.131	63.565.269.013	190.210.266.371	251.179.368.904	5.572.918.828.419
Tăng khác	-	-	-	-	-	11.348.319.300	11.348.319.300
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	316.628.558.032	-	316.628.558.032
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách (i)	-	-	-	-	(700.000.000)	-	(700.000.000)
Phân bổ vào các quỹ (j)	-	-	-	-	(6.600.000.000)	-	(6.600.000.000)
Cổ tức (j)	-	-	-	-	(176.684.269.200)	-	(176.684.269.200)
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	-	(9.232.829.692)	(9.232.829.692)
Tại ngày 31/12/2014	4.417.106.730.000	355.104.902.000	295.752.292.131	63.565.269.013	322.854.555.203	253.294.858.512	5.707.678.606.859

(i) Tổng Công ty chi lương cho thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, phân bổ vào các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013.

(ii) Chi phí phát sinh liên quan tới Dự án huyện Thạch Thất đã được quyết toán với ngân sách Nhà nước trong năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:**

	Năm 2014		Năm 2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000
Số dư cuối năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Trong năm, Tổng Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh bất động sản, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 26 và số 27.

Các công trình của Tổng Công ty chủ yếu được thi công trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.

26. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Xây lắp	2.903.807.553.217	4.002.999.855.862
Bất động sản	7.090.909.091	107.887.885.878
Dịch vụ và khác	284.880.910.633	210.013.030.362
	3.195.779.372.941	4.320.900.772.102

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Xây lắp	2.823.292.721.781	3.899.600.409.910
Bất động sản	4.980.226.395	42.095.936.630
Dịch vụ và khác	209.495.353.385	134.728.799.809
	3.037.768.301.561	4.076.425.146.349

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	93.117.295.923	185.924.089.508
Lợi nhuận cố định nhận được từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	150.000.000.000
Cổ tức	107.206.219.000	129.825.960.031
Lãi chênh lệch tỷ giá	43.410.670.433	60.227.202.152
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	-	7.451.192.396
Doanh thu từ bảo lãnh hợp đồng (i)	22.562.107.276	9.792.261.307
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.301.486	6.030.041.980
	<u>266.302.594.118</u>	<u>549.250.747.374</u>

- (i) Là doanh thu từ thu phí bảo lãnh do Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh cho các Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinacorex, Công ty Cổ phần Vinacorex Sài Gòn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc để vay vốn tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 với hạn mức bảo lãnh tối đa lần lượt là 395.830.000.000 VND, 138.600.000.000 VND và 1.129.000.000.000 VND.

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	28.527.390.410	281.034.647.375
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(26.056.575.585)	(1.217.664.442.841)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	8.784.803.513	1.242.885.414.063
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.172.033.205	81.396.758.628
Chi phí tài chính khác	443.476.748	9.480.351.649
	<u>25.871.128.291</u>	<u>397.132.728.874</u>

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	57.058.237.211	56.970.356.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.455.545.581	11.752.738.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.558.186.161	5.539.817.032
Thuế, phí và lệ phí	15.319.349.438	6.735.332.756
Chi phí đồ dùng văn phòng	436.352.390	760.346.737
Chi phí dự phòng	51.478.817.241	45.619.100.830
Chi phí nguyên vật liệu	628.291.669	256.962.989
Chi phí bằng tiền khác	12.319.717.725	10.410.085.588
	<u>154.254.497.416</u>	<u>138.044.741.373</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	628.291.669	256.962.989
Chi phí nhân công	57.058.237.211	56.970.356.469
Chi phí khấu hao tài sản cố định	52.035.806.423	53.057.630.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.284.020.235.423	4.265.883.902.606
Chi phí khác bằng tiền	12.319.717.725	10.410.085.588
	2.406.062.288.451	4.386.578.937.991

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	225.501.138	-
Thu từ tiền bảo hiểm khoản vay Dự án Trạm nghiên cứu Xi măng Cẩm Phả do tái toán trước hạn	13.272.661.642	20.344.724.881
Thu từ tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Dự án Trạm nghiên cứu Xi măng Cẩm Phả (i)	12.074.488.443	-
Chi phí bán hàng dự án N05 được hoàn nhập	-	24.489.648.348
Thu nhập từ thuê nhà thầu nước ngoài	42.565.009.558	-
Thu nhập khác	2.623.875.456	976.243.863
	72.761.536.237	45.810.617.092

(i) Là khoản hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Dự án Trạm nghiên cứu Xi măng Cẩm Phả. Căn cứ theo Hợp đồng nguyên tắc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư số 1311/2005/HĐ/HTLS ngày 31 tháng 12 năm 2005 và Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư sửa đổi, bổ sung số 02/2014/HĐ/HTLS/ĐSDBS-NHPT ngày 10 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty được hưởng khoản này do là chủ đầu tư của Dự án. Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đang thực hiện các thủ tục để thống nhất việc ghi nhận khoản thu nhập từ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Dự án trạm nghiên cứu Xi măng Cẩm Phả với số tiền khoảng 12 tỷ VND. Việc ghi nhận khoản thu nhập này có khả năng ảnh hưởng tới giá trị của khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại báo cáo tài chính riêng với số tiền là 3,3 tỷ đồng theo tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả là 30%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cao năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính riêng kèm theo***33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****(a) Đối chiếu thuế suất hiện hành**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	316.628.558.032	302.606.301.560
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	107.206.219.003	129.825.960.031
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	87.920.514.413	13.192.487.581
- Dự phòng phải thu khó đòi	9.128.468.063	13.192.487.581
- Dự phòng đầu tư tài chính	78.792.046.347	-
Thu nhập chịu thuế	297.342.853.442	185.972.829.110
<i>Trung bình:</i>		
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chính và hoạt động khác	283.376.987.809	98.324.721.279
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động bất động sản	(23.020.525)	72.275.173.218
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động giáo dục	13.988.886.158	15.372.934.613
Thuế suất áp dụng cho hoạt động chính và hoạt động khác	22%	25%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động bất động sản	22%	25%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động giáo dục	10%	10%
Lỗi mang sang	(297.365.873.967)	(113.697.655.892)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	18.068.793.304

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế của hoạt động chính.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong năm là 316.628.558.032 VND (năm 2013: 284.537.508.256 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 441.710.673 (năm 2013: 441.710.673), được thực hiện như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	316.628.558.032	284.537.508.256
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	441.710.673	441.710.673
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	717	644

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG VÀ THÔNG TIN KHÁC

- Theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu "Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam", Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến kết luận như sau:

- Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản tiền sử dụng đất và tăng 1 các nhà chung cư cao tầng Vinaconex đã xây dựng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.

- Đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông chưa nộp khi tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex.

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xem xét điều chỉnh lại quy hoạch và tính toán tiền sử dụng đất phải nộp đối với diện tích đất xây dựng các nhà nổi trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.

- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định.

Tiếp theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và có Công văn số 1858/BXD-ĐMDN ngày 24 tháng 10 năm 2012 trình lên Thủ tướng Chính phủ về việc xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh. Theo đó, việc ghi nhận thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty và PESCO E&C phát sinh trong giai đoạn Vinaconex đang là doanh nghiệp Nhà nước. Tuy nhiên, khoản tiền 192 tỷ VND quyền phát triển dự án Khu đô thị Bắc An Khánh có hiệu lực theo giấy chứng nhận đầu tư do tỉnh Hà Tây cấp cho Công ty liên doanh ngày 08 tháng 12 năm 2006, tại thời điểm đó Vinaconex đã là Tổng Công ty Cổ phần (từ ngày 01 tháng 12 năm 2006). Công văn số 1858/BXD-ĐMDN đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định.

Đối với các vấn đề khác, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Bản cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.

- Trong năm 2014, Tổng Công ty đã nhận được Quyết định số 5524/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2014 của UBND thành phố Hà Nội xác định giá trị quyền sử dụng đất lô đất HH là 1.175 tỷ đồng. Nếu tiến hành bù trừ giá trị quyền sử dụng đất, giá trị công trình báo tăng Hà Nội đã nghiệm thu và tiền Sở Xây dựng Hà Nội đã ứng cho Tổng Công ty thì Tổng Công ty sẽ phải trả lại Sở Xây dựng Hà Nội số tiền khoảng 524 tỷ đồng. Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (OTL) và Tổng Công ty để thực hiện đầu tư dự án trên lô đất III, OTL sẽ có nghĩa vụ thanh toán khoản chênh lệch này cho Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty đang làm việc với OTL để thống nhất việc thực hiện nghĩa vụ giữa hai bên.
- Ngày 29 tháng 7 năm 2014, tại Trụ sở Tổng Công ty, Cơ quan cảnh sát Điều tra Bộ Công an đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống truyền tải nước sạch Dự án nước sông Đà (giai đoạn 1) của Tổng Công ty. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với Cục cảnh sát kinh tế và cơ quan pháp luật khác có liên quan để báo cáo, giải trình và làm rõ hơn các nội dung có liên quan theo yêu cầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

35. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG VÀ THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

- Ngày 27 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty nhận được Công văn số 11019/SXD-QI.KT từ Sở Xây dựng Hà Nội chấp thuận khối lượng hoàn thành lần ba của Dự án Bảo tàng Hà Nội thêm 102 tỷ VND. Dự án Bảo tàng Hà Nội đang chờ được quyết toán và giá trị khối lượng hoàn thành trên có thể thay đổi sau khi được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước. Do vậy, Tổng Công ty chưa ghi nhận khối lượng này vào báo cáo tài chính riêng. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để quyết toán Dự án Bảo tàng Hà Nội.

Các vấn đề nêu trên chưa được điều chỉnh trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do có các yếu tố chưa chắc chắn, theo đó Tổng Công ty chưa xác định được tài sản và nghĩa vụ của Tổng Công ty một cách đáng tin cậy.

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tổng Công ty cam kết góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dầu khí BOT Hà Nội - Bắc Giang với số tiền 104.227.700.000 VND, chiếm 21% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 42.111.081.600 VND.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 25, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	1.723.950.914.081	2.038.277.460.906
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	341.214.776.921	517.704.955.085
Nợ thuần	1.382.736.137.160	1.520.572.505.821
Vốn chủ sở hữu	5.454.383.748.347	5.321.739.459.515
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,25	0,29

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Lương Nhữ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09-ĐN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	341.214.776.921	517.704.955.085
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.977.702.338.970	3.430.141.197.085
Đầu tư ngắn hạn	116.970.655.528	66.961.177.708
Đầu tư dài hạn	2.302.002.561.321	2.119.800.282.491
Tổng cộng	6.737.890.332.740	6.334.607.812.371
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.723.950.914.081	2.038.277.460.906
Phải trả người bán và phải trả khác	2.061.167.633.009	2.030.622.423.542
Chi phí phải trả	155.929.314.355	181.935.294.586
Tổng cộng	3.941.047.861.445	4.250.835.179.034

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)*

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	401.382.431.732	517.372.413.259	2.604.223.661.707	2.984.253.454.791

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam thay đổi 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	220.284.122.997	246.688.104.153
	220.284.122.997	246.688.104.153

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 34.469.818.282 VND (2013: 40.754.888.510 VND).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	200	(34.469.818.282)
VND	(200)	34.469.818.282
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	200	(40.754.888.510)
VND	(200)	40.754.888.510

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, ... Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 38.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	341.214.776.921	-	341.214.776.921
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.504.699.292.958	473.003.046.012	3.977.702.338.970
Đầu tư ngắn hạn	116.970.655.528	-	116.970.655.528
Đầu tư dài hạn	-	2.302.002.561.321	2.302.002.561.321
Tổng cộng	3.962.884.725.407	2.775.005.607.333	6.737.890.332.740
Phải trả người bán và phải trả khác	2.061.167.633.009	-	2.061.167.633.009
Chi phí phải trả	155.929.314.355	-	155.929.314.355
Các khoản vay	382.583.424.000	1.340.967.490.081	1.723.950.914.081
Tổng cộng	2.600.080.371.364	1.340.967.490.081	3.941.047.861.445
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.362.804.354.043	1.434.038.117.252	2.796.842.471.295
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	517.704.955.085	-	517.704.955.085
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.955.894.377.325	474.246.819.760	3.430.141.197.085
Đầu tư ngắn hạn	66.961.377.708	-	66.961.377.708
Đầu tư dài hạn	-	2.319.800.282.493	2.319.800.282.493
Tổng cộng	3.540.560.710.118	2.794.047.102.253	6.334.607.812.371
Phải trả người bán và phải trả khác	2.030.622.423.542	-	2.030.622.423.542
Chi phí phải trả	181.935.294.586	-	181.935.294.586
Các khoản vay	577.025.117.177	1.461.252.343.729	2.038.277.460.906
Tổng cộng	2.789.582.835.305	1.461.252.343.729	4.250.835.179.034
Chênh lệch thanh khoản thuần	750.977.874.813	1.332.794.758.524	2.083.772.633.337

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DỮ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông
Tập đoàn Viễn thông Quân đội	Cổ đông
Các công ty khác	Công ty con

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	-	1.690.206.418
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	-	2.773.984.284
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	-	176.827.273
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	432.832.600	80.971.060
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	85.247.602.117	1.595.819.397
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	25.569.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	-	2.445.994.734
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	-	148.958.648
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	13.936.457	3.019.081.603
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	-	-
Công ty Cổ phần VIMECO	1.242.571.520	1.099.465.402
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	598.740.957	808.066.116
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	-	54.545.455
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	15.367.909	99.207.456
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	8.000.000	7.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	-	28.536.364
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	7.000.000	7.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	59.612.131.645	141.585.383.050
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	74.607.839.870	136.350.615.037
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	-	5.403.367.767
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	123.012.613.128	80.063.449.711
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	20.917.256.413	12.106.488.963
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	137.344.897.734	166.039.594.788
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng	896.681.132	593.987.273
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	62.605.936.025	106.369.509.272
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	-	(6.829.749.981)
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	23.463.013.321	68.034.142.401
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	3.225.199.366	29.275.090.575
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	139.188.389.069	203.746.207.556
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	11.952.915.001	11.576.984.029
Công ty Cổ phần VIMECO	166.079.470.103	342.312.375.361
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	23.201.837.820	10.989.848.798
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	11.205.578.489	8.457.655.454
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	(9.63.401.024)	17.659.015.901
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	7.244.542.751	12.941.283.145
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	1.377.694.715	16.411.182.104
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	7.000.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Viraconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃI SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập cổ tức		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	10.200.000.000	8.150.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	6.148.114.000	9.222.171.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	4.080.000.000	4.080.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	2.550.000.000	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	6.519.825.000	9.127.755.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	3.672.000.000	3.672.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	5.508.000.000	5.508.000.000
Công ty Cổ phần VIMECO	4.009.080.000	3.340.900.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	255.000.000	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	3.760.000.000	7.050.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	1.128.500.000	566.593.360
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	6.120.000.000	-
	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập lãi vay		
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	665.501.703	878.433.333
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	-	36.307.500
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Điện Miền Bắc 2	3.141.337.000	-
Công ty Cổ phần VIMECO	311.819.274	1.854.535.128
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	3.141.337.000	2.995.706.435
Công ty Cổ phần Vật tư ngành nước	1.605.952.716	3.702.317.725
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	10.280.056.123	15.871.543.055
	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ bảo lãnh		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	18.748.307.859	5.663.977.766
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	674.568.222	933.031.495
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	3.139.231.195	3.139.231.195
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	-	80.083.205

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DỮ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	424.037.606	424.037.606
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	91.363.276.023	91.363.276.023
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	-	5.416.796.544
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	90.213.939.148	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng	20.987.500.407	20.093.778.438
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	828.755.812	828.755.812
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	869.832.786	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	21.995.253.975	22.672.714.148
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	29.098.563.776	-
Công ty Cổ phần VIMFECO	34.276.251.689	982.320.667
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	44.628.006.877	46.319.732.263
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	-	214.563.976
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	-	863.373
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	29.652.362.967	29.652.362.967
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự lịch Vinaconex	37.005.890.645	33.866.659.450
Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	-	174.469.806
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	153.702.696.397	221.523.707.719
Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước	-	31.737.568.421
Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	1.263.785.093	1.263.785.093

3
 PH
 KH
 DUNG
 NAM
 - TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán (Tiếp theo):

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	75.027.232.164	78.916.144.305
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	100.865.133.249	93.685.263.582
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	2.107.927.465	3.759.537.965
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	60.077.615.356	57.323.837.551
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	7.635.190.644	2.421.934.078
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	248.550.144.922	159.289.463.814
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đà Nẵng	3.352.044.742	2.390.209.200
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	61.318.805.342	43.370.557.603
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	8.656.254.610	10.049.412.448
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	34.982.701.202	37.047.418.735
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	280.370.183	5.787.711.828
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	88.377.310.386	111.712.897.839
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	2.415.183.687	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Bắc 2	-	9.264.488.683
Công ty Cổ phần VIMECO	119.706.461.644	127.456.061.952
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	3.682.710.609	4.070.945.022
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	3.044.352.522	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	835.185.506	14.139.780.446
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	15.969.378	15.969.378
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	2.356.754.049	3.968.145.928
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	137.979.577	137.979.577
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Vinaconex	2.545.162.440	30.010.030.307
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	2.658.696.192	2.658.245.742
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	39.511.066	39.511.066

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỐ**

Ngày 09 tháng 02 năm 2015, Tổng Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 9.250.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hoa Hướng Dương.

40. SỐ LIỆU SƠ SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như sau:

Bảng cân đối kế toán tại
ngày 31/12/2013

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Đầu tư ngắn hạn	121	20.900.000.000	46.961.377.708	66.961.377.708
Các khoản phải thu khác	135	384.297.662.043	(46.961.377.708)	337.336.284.335
Phải thu dài hạn khác	218	2.302.614.909.683	(2.007.226.547.985)	295.388.361.698
Đầu tư dài hạn khác	258	338.629.630.600	2.007.226.547.985	2.345.856.178.585



Vũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng

Nguyễn Lê Thu Hiền
Người lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2015



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 49

12/11/2011 10:00:00 AM

STP
C
HAC
D
VI
S



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Xây dựng giỏi thì, đứng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyễn Học	Thành viên
Ông Hoàng Anh Xuân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2014)
Ông Lê Dũng Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thiện Quang	Thành viên
Ông Đoàn Châu Phong	Thành viên
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên
Ông Vũ Quý Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Bình Thiết	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quý Hà	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2014)
Ông Trần Thế Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 8 năm 2014)
Ông Vương Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Đinh Việt Tùng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Lê Doanh Yên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Quý Hòa
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 49 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất; tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực về các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thủ yếu minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm hiểu rõ các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 - công ty con của Tổng Công ty có các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến trên 1 năm với giá trị khoảng 97,8 tỷ VND; đồng thời, Công ty có một số công trình có số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang lớn hơn giá trị hợp đồng còn lại với giá trị khoảng 37 tỷ VND và một số công trình đã hoàn thành từ lâu nhưng chưa thực hiện quyết toán được với chủ đầu tư có giá trị khoảng 65,5 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán về giá trị có thể thu hồi đối với số dư các khoản phải thu khách hàng và giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình nêu trên, cũng như không thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho các phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần trích lập điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 chưa ghi nhận khoản thuế phải nộp, phải trả phạt chậm nộp, tiền bồi thường, hỗ trợ trả hồi đất và tiền quỹ đất bổ sung theo các công văn thông báo của cơ quan thuế với tổng số tiền khoảng 55 tỷ VND. Theo đó, chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” và “Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bị phân ảnh thấp hơn với số tiền lần lượt khoảng 40,6 tỷ VND và 14,4 tỷ VND; đồng thời, chỉ tiêu “Giá vốn hàng hóa và dịch vụ cung cấp” và “Chi phí khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014 bị phân ảnh thấp hơn với số tiền lần lượt khoảng 14,1 tỷ VND và 40,9 tỷ VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả - Công ty liên kết của Tổng Công ty (Tổng Công ty sở hữu 30% vốn điều lệ) đang thực hiện các thủ tục đề nghị nhà nước ghi nhận khoản thu nhập từ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Dự án trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả với số tiền khoảng 12 tỷ VND. Việc ghi nhận khoản thu nhập này sẽ ảnh hưởng tới giá trị của khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trên báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Trên Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính với số tiền là 3,8 tỷ VND theo tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex-Viettel - Công ty liên kết của Tổng Công ty (gọi tắt là “VVF”) có số dư tiền gửi tại một công ty tài chính khác với giá trị ghi sổ là 79 tỷ VND đã đáo hạn từ ngày 11 tháng 8 năm 2012 nhưng chưa thu hồi được, và số dư trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ghi sổ là 150 tỷ VND đã đáo hạn từ ngày 19 tháng 10 năm 2012 nhưng chưa thu hồi được.

Theo Điều 24.4 - Điều khoản chuyển tiếp của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”) ban hành ngày 21 tháng 01 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”), đối với một số loại tài sản phát sinh trước ngày hiệu lực của Thông tư 02 (tức là ngày 31 tháng 6 năm 2014), tổ chức tín dụng phải báo cáo NHNN về tình hình tài sản, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng, khả năng, kế hoạch trích lập và sử dụng dự phòng và thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với các tài sản này theo hướng dẫn của NHNN đối với từng trường hợp cụ thể.

VVF đã gửi Công văn số 125/2014/CV/VVF-KSRR&TDĐL, ngày 07 tháng 5 năm 2014 và Công văn số 149/2014/CV/VVF-KSRR&TDĐL, ngày 28 tháng 5 năm 2014 tới NHNN đề nghị hướng dẫn xử lý đối với hai khoản cụ thể nêu trên. Ngày 19 tháng 6 năm 2014, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng đã có Công văn số 457/TTGSNH trả lời, trong đó đề nghị VVF khẩn trương hoàn thiện phương án tài cơ cấu và NHNN sẽ xem xét xử lý khiếu nại của VVF trong tổng thể phương án tái cơ cấu đến năm 2015 của VVF. Theo hướng dẫn này của NHNN, VVF đã gửi dự thảo phương án tái cơ cấu bao gồm phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nêu trên lên NHNN. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, VVF vẫn đang trong quá trình hoàn thiện phương án tái cơ cấu bao gồm phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nêu trên theo yêu cầu của NHNN để đề nghị NHNN phê duyệt. Do chưa có hướng dẫn cụ thể từ NHNN nên VVF chưa tiến hành trích lập dự phòng cho hai khoản nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Theo đó, Tổng Công ty chưa ghi nhận ảnh hưởng của việc chưa trích lập dự phòng cho hai khoản nêu trên của VVF đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Lợi nhuận từ VVF trong năm 2014 được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 33 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Thông báo số 65/TĐ-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ nêu "ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam" có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Ý kiến kết luận về các vấn đề này có thể làm phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về các nội dung liên quan đến ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Dũng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHUNG HÒN Việt Nam

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Phạm Quỳnh Hoa".

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	
			31/12/2014	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		12.360.763.993.270	12.928.241.462.655
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.478.605.215.383	1.110.600.948.438
1. Tiền	111		735.455.423.948	760.194.948.438
2. Các khoản tương đương tiền	112		743.149.791.435	350.406.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	159.902.015.160	90.974.152.186
1. Đầu tư ngắn hạn	121		166.013.347.752	91.666.870.860
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.111.332.592)	(692.718.674)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.819.467.265.293	5.663.137.645.666
1. Phải thu khách hàng	131		4.816.698.461.427	4.416.392.222.350
2. Trả trước cho người bán	132		646.555.192.998	786.400.409.145
3. Các khoản phải thu khác	135	7	766.758.131.070	772.835.301.637
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(410.544.520.202)	(312.490.287.466)
IV. Hàng tồn kho	140	8	4.290.984.133.589	5.431.279.481.655
1. Hàng tồn kho	141		4.323.018.433.052	5.441.883.088.187
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.034.299.463)	(10.603.606.532)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		611.805.363.845	632.249.234.710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.095.306.708	13.177.658.346
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		62.790.805.789	104.742.375.200
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		37.750.736.371	94.076.529.455
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	457.168.514.977	420.252.671.709

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013 (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200-210-220+240+250+260+269)	200		10.461.078.038.354	10.024.908.999.754
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		353.541.679.982	295.804.962.048
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.221.963.879	1.518.786.817
2. Phải thu dài hạn khác	218	10	353.221.902.599	295.388.361.697
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.102.186.496)	(1.102.186.496)
II. Tài sản cố định	220		5.031.223.740.814	5.024.768.715.271
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.647.070.583.337	2.009.702.673.911
- Nguyên giá	222		3.592.853.273.336	3.817.251.901.019
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.945.782.689.999)	(1.807.549.227.108)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	36.953.920.697	41.860.862.104
- Nguyên giá	225		84.186.368.637	84.186.368.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(47.232.447.940)	(42.325.506.533)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	48.455.532.325	50.353.516.195
- Nguyên giá	228		55.294.239.267	56.328.410.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.838.706.942)	(5.974.893.911)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	3.258.743.704.455	2.922.851.663.061
III. Bất động sản đầu tư	240	15	1.216.515.492.100	989.730.238.102
- Nguyên giá	241		1.199.700.878.917	1.221.062.127.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(283.185.386.817)	(231.331.889.725)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.576.099.001.194	3.440.468.653.136
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	1.127.713.842.741	1.072.784.811.924
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	2.475.849.434.322	2.413.240.831.963
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(27.464.275.869)	(45.556.590.751)
V. Tài sản dài hạn khác	260		269.041.771.439	272.057.853.563
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	156.451.799.593	163.532.037.975
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		109.608.376.996	105.731.323.995
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.981.594.850	2.794.491.593
VI. Lợi thế thương mại	269		14.656.352.825	2.078.577.634
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		22.821.842.031.624	22.953.150.462.409

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+350)	300		15.549.480.634.159	15.828.719.903.468
I. Nợ ngắn hạn	310		10.268.632.647.794	10.645.236.673.755
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	2.481.102.794.569	2.893.616.985.778
2. Phải trả người bán	312		2.546.019.988.372	2.443.089.313.807
3. Người mua trả tiền trước	313		2.275.688.780.163	2.096.418.403.926
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	418.676.710.132	492.352.162.054
5. Phải trả người lao động	315		181.312.570.573	188.382.294.425
6. Chi phí phải trả	316		773.454.343.440	754.751.336.209
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	1.363.912.186.816	1.745.272.381.834
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.443.649.608	3.375.523.912
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		23.021.624.121	27.978.871.810
II. Nợ dài hạn	330		5.280.847.986.365	5.183.483.229.713
1. Phải trả dài hạn người bán	331		81.373.083.879	88.956.037.500
2. Phải trả dài hạn khác	333		49.081.423.774	48.098.577.120
3. Vay và nợ dài hạn	334	23	3.591.828.698.317	3.595.444.278.251
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.534.064.771	1.613.570.624
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		14.799.661.484	688.966.680
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337	22	209.805.538.410	205.012.231.892
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.328.613.219.116	1.240.710.323.407
8. Quỹ phát triển khoa học	339		3.812.296.614	2.938.644.239
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		5.804.463.677.912	5.645.469.390.608
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.551.144.843.300	5.394.266.045.604
1. Vốn điều lệ	411	24	4.417.106.730.000	4.417.106.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	355.104.902.000	355.104.902.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	24	7.592.571.842	7.592.571.842
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	24	6.676.140.566	5.317.770.624
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	24	453.314.057.841	452.558.078.538
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	24	102.409.089.179	102.320.642.770
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	24	3.292.438.726	3.327.649.428
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	24	205.648.913.146	44.937.750.352
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		253.318.834.612	251.203.345.004
1. Nguồn kinh phí	432	24	253.318.834.612	251.203.345.004
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		1.467.897.718.553	1.478.961.168.333
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		22.821.842.031.624	22.953.150.462.409


Trần Minh Toán
 Người lập biểu


Nguyễn Quốc Hòa
 Kế toán trưởng


Vũ Quý Hà
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Chu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Chu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÁU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.347.689.311.188	11.173.213.914.760
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.232.095.833	69.065.429.839
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	8.346.457.215.355	11.104.148.484.921
4. Giá vốn hàng bán về dịch vụ cung cấp	11	27	7.366.561.436.071	9.659.202.056.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		979.895.779.284	1.444.946.428.412
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	192.965.944.335	408.812.677.358
7. Chi phí tài chính	22	30	299.246.061.663	839.628.708.254
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		275.832.731.052	663.439.192.839
8. Chi phí bán hàng	24		54.016.276.443	188.487.574.451
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		514.858.067.159	516.514.880.475
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		304.741.318.354	309.127.942.580
11. Thu nhập khác	31		234.070.346.734	435.137.768.305
12. Chi phí khác	32		209.487.278.987	61.606.194.725
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	31	24.583.067.747	373.531.573.580
14. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45		90.812.799.428	30.353.895.725
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		420.137.185.529	713.013.411.885
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		55.854.364.644	70.518.827.067
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(4.460.220.371)	119.573.503.072
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		368.743.041.256	522.921.081.746
Trong đó:				
Lợi nhuận phải chia cho các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh			-	5.294.984.288
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		63.248.465.144	21.610.505.519
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		305.494.576.112	496.015.591.939
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	692	1.123


Trần Minh Toàn
Người lập biểu


Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng



Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thân nhân phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÀU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	420.137.185.529		713.013.411.885	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	333.255.614.297		573.215.806.554	
Các khoản dự phòng	03	106.810.824.703		(2.971.821.491)	
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	(27.540.639.196)		(68.9.8.116.875)	
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(127.803.850.248)		(599.614.456.908)	
Chi phí lãi vay	06	275.832.721.052		663.439.192.859	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	980.891.866.137		1.278.144.016.021	
Thay đổi các khoản phải thu	09	(456.876.737.580)		(374.223.907.986)	
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.106.528.194.786		375.133.706.073	
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	219.356.196.166		(164.344.315.456)	
Thay đổi chi phí trả trước	12	5.845.252.522		(26.232.285.711)	
Tiền lãi vay đã trả	13	(235.319.884.772)		(636.326.428.368)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(73.274.595.150)		(116.172.670.114)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	12.877.600.232		62.411.716.653	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(78.456.241.385)		(110.211.866.202)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.481.571.650.956		288.177.964.890	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(588.354.301.146)		(472.699.386.764)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	73.966.907.829		49.076.672.307	
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(342.650.966.701)		(29.248.523.270)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.286.440.285		2.639.615.932.055	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(119.686.047.600)		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	104.836.812.479		296.029.935.065	
7. Tiền thu lãi: tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	63.267.848.368		135.431.388.886	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	20	(608.333.306.486)		2.618.206.018.279	

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 49 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.686.304.460.259		5.816.428.625.733	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.015.917.922.864)		(8.518.282.045.459)	
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-		(517.501.998)	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	16	(175.620.614.920)		(21.471.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(505.234.077.525)		(2.702.392.592.724)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	368.004.266.945		203.991.390.445	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.110.600.948.438		906.609.557.993	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	1.478.605.215.383		1.110.600.948.438	



Trần Minh Toán
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), trước đây là Tổng Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 992/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Hoạt động của Tổng Công ty với tư cách là một Tổng Công ty Cổ phần đã được đăng ký lại với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01 tháng 12 năm 2006, và sửa đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 4 năm 2012. Tổng Công ty có mã số doanh nghiệp là 0100105616.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 30 công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

STT	Tên công ty con	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	55,14%	55,14%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	51,23%	51,23%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (*)	51,00%	51,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
4	Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 (*)	100,00%	100,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	51,00%	51,00%	Xây dựng các công trình công nghiệp
6	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 (**)	36,00%	36,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 9	54,33%	54,33%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinacorex Đà Nẵng (*)	73,59%	73,59%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	52,60%	52,60%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
10	Công ty Cổ phần Xây dựng số 15	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Vinacorex 16	51,93%	51,93%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	82,16%	82,16%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
13	Công ty Cổ phần Vinacorex 25	51,00%	51,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
14	Công ty Cổ phần Vinacorex 27	79,74%	57,33%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
15	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	78,35%	76,33%	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng
16	Công ty Cổ phần VIMICO	51,40%	51,40%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS
17	Công ty Cổ phần Vinacorex Sài Gòn	77,15%	76,25%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
18	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinacorex	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế
19	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (**)	42,50%	42,50%	Tư vấn thiết kế
20	Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng (*)	56,90%	56,90%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp
21	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ BĐS Việt Nam - VINASINCO	85,26%	75,00%	Thương mại - dịch vụ
22	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Hình thức sở hữu vốn (Tiếp theo)**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền hiểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính
23	Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	52,33%	51,00%	Thương mại - dịch vụ
24	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (*)	53,56%	54,56%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
25	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	70,00%	70,00%	Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
26	Công ty Cổ phần Vipsco	53,13%	2,29%	Sản xuất và kinh doanh bao bì
27	Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (*)	55,00%	55,00%	Thương mại - dịch vụ
28	Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh nước sạch
29	Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	96,52%	95,51%	Thương mại - dịch vụ
30	Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	59,12%	59,12%	Thương mại - dịch vụ

(*) Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã ban hành các Nghị quyết phê duyệt chủ trương thoái vốn tại các công ty này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Do Tổng Công ty vẫn chiếm quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này, nên báo cáo tài chính của các công ty này vẫn được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 (gọi tắt là "Vinaconex 7") và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (gọi tắt là "Vinaconex R&D") thấp hơn 50,00%, tuy nhiên, do Tổng Công ty chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị Vinaconex 7, Vinaconex R&D và có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này, nên báo cáo tài chính của các công ty này vẫn được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ chu xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, trần lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường...);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty (Tiếp theo):

- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đầu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Đặt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TI
N
C
H
A
T
I
G
TY
MÚC H
I
TE
NAM
12

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, một số công ty con của Tổng Công ty có dấu hiệu mất khả năng thanh toán, bao gồm: Công ty Cổ phần Xây dựng số 4, Công ty Cổ phần Xây dựng số 5, Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex Đa Năng, Công ty Cổ phần Xây dựng số 15, Công ty Cổ phần Xây dựng số 16, Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex, Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn, Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex, Công ty Cổ phần Vipaco, Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex và Công ty Cổ phần Siêu thị và Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Nam. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty mẹ - Tổng Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu và có kế hoạch thoái vốn đầu tư tại một số công ty con nêu trên để tập trung nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh. Theo đó, tình hình tài chính của các công ty này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng như báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhận phần ảnh hưởng tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HIỆUNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con".

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Bảng cân đối kế toán của các công ty con bán đi trong năm không được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trung báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NIỆP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo các về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh sơ với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản cố khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên Tuổi giao hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế tài sản

Một khoản thuế được xem là thuế tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuế. Tất cả các khoản thuế khác được xem là thuế hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuế tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuế tại thời điểm khởi đầu thuế tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuế tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuế tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuế được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuế tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuế được xem là thuế hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuế hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 30
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không được trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là các phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích từ 3 đến 5 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinacomex, 34 Lêង Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/IN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua ban đầu bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế tước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	2014
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	7 - 25
Quyền sử dụng đất	7 - 25

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê tài sản và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê tài sản thể hiện số tiền thuê tài sản đã được trả trước. Tiền thuê tài sản trả trước được phân bổ vào hao sản kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. (trong trường hợp trả trước tiền thuê đất, nếu Tổng Công ty và các công ty con có Chứng nhận quyền sử dụng đất, có thể hạch toán khoản này là tài sản cố định vô hình).

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phải công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ có;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Đối với bất động sản mà Tổng Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất, mà theo đó Tổng Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành khối lượng công việc xây dựng được người mua chấp nhận tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu trợ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi có Quyết định phê duyệt chính thức cấp kinh phí trợ cấp của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Đối với các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại tại thời điểm cuối năm, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của công ty con hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện lũy kế và phần chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian tối đa là 5 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian trong dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Viraconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp băng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ gọi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (Basic EPS) cho các cổ đông phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CIEXICN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	18.201.711.035	20.136.188.712
Tiền gửi ngân hàng	717.253.692.913	740.058.759.726
Các khoản tương đương tiền (i)	743.149.791.435	350.406.000.000
	<u>1.478.605.215.383</u>	<u>1.110.600.948.438</u>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

Một số công ty con của Tổng Công ty đã sử dụng một phần số dư tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 03 tháng để đảm bảo cho các khoản vay. Các khoản tiền gửi ngân hàng này vẫn được các công ty sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh với tính thanh khoản ổn định.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Tiền gửi có kỳ hạn	17.611.143.330	29.248.523.270
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	766.061.423	956.277.774
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	148.136.142.999	61.462.069.815
	<u>166.013.347.752</u>	<u>91.666.870.860</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(5.111.332.592)	(692.718.674)
	<u>159.902.015.160</u>	<u>90.974.152.186</u>

(i) Gồm các khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo Hợp đồng vay VCG số 1 và Hợp đồng vay VCG số 2 ngày 24 tháng 10 năm 2013 (Xem tại Thuyết minh số 17) với số tiền 111.970.655.571 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 49.737.069.816 VND).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Phải thu các Tổ đội thi công	166.699.888.534	234.564.184.873
Công ty Mua bán điện (i)	98.160.494.316	-
Phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình (ii)	30.000.150.800	190.913.530.444
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại dương Thăng Long	-	85.138.889.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex (ii)	31.198.454.622	38.411.734.966
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	16.913.500.000	324.453.552
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	28.433.278.728	4.484.851.074
Phải thu khác	395.352.364.070	218.997.657.728
	<u>766.758.131.070</u>	<u>772.835.301.637</u>

(i) Phản ánh số tiền còn phải thu Công ty Mua bán điện từ doanh thu bán điện trong giai đoạn chạy thử của Nhà máy Thủy điện Ngòi Phất tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) - công ty con của Tổng Công ty.

(ii) Phản ánh giá trị các khoản cho các công ty liên kết vay vốn lưu động.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	19.488.733	423.279.133
Nguyên liệu, vật liệu	93.188.319.630	58.613.618.059
Công cụ, dụng cụ	10.192.660.825	11.384.504.502
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	4.169.399.882.592	5.280.571.016.641
Thành phẩm	16.539.264.313	20.131.553.462
Hàng hoá	5.918.984.017	4.971.287.742
Hàng hóa bất động sản	27.450.966.899	64.941.372.299
Hàng gửi đi bán	308.866.043	846.456.349
	<u>4.323.018.433.052</u>	<u>5.441.883.088.187</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.034.799.463)	(10.603.606.532)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>4.290.984.133.589</u>	<u>5.431.279.481.655</u>

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 23, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí của Dự án Khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ và Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giã, Cát Bà tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (Các công ty con của Tổng Công ty), tài sản hình thành từ các Dự án trên được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay trung và dài hạn tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi sự nghiệp (i)	146.571.815.875	97.312.827.990
Tạm ứng Tổ đội thi công (ii)	304.046.201.564	290.458.418.022
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.291.592.478	2.248.584.492
Tài sản ngắn hạn khác	42.158.905.060	30.232.841.205
	<u>497.168.514.977</u>	<u>420.252.671.709</u>

(i) Tổng Công ty được Nhà nước giao thực hiện một số dự án kinh tế, chính trị, xã hội ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Các dự án này được trang trải bằng nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp. Nguồn kinh phí nhận được từ Ngân sách Nhà nước được ghi nhận vào tài khoản "Nguồn kinh phí" thuộc Nguồn kinh phí và quỹ khác. Chi phí dự án phát sinh được ghi nhận vào tài khoản "Chi sự nghiệp" thuộc Tài sản ngắn hạn khác cho tới khi các chi phí này được quyết toán với Nhà nước. Khi đó, chi phí dự án sẽ được giảm trừ vào Nguồn kinh phí. Chi phí dự án được Nhà nước chi trả trực tiếp sẽ được ghi nhận đồng thời vào tài khoản Chi sự nghiệp và Nguồn kinh phí. Nguồn kinh phí do Nhà nước cấp không sử dụng hết sẽ phải được hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước. Chi phí dự án còn thiếu sẽ được Ngân sách Nhà nước bồi hoàn.

(ii) Tạm ứng các đội thi công phản ánh số tiền các công ty con đã ứng cho các đội, nhân viên của công ty để thực hiện thi công xây dựng hoặc các công việc khác để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con. Ban Tổng Giám đốc đã cảnh giá khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng này và cho rằng không cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện các khoản phải thu sau:

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex với số tiền khoảng 148.791 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 183.437 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng cho vay lại vốn số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12 tháng 10 năm 2006 với mục đích thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay.

- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với số tiền khoảng 204.430 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 111.901 triệu VND) theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-XMYB và Hợp đồng cho vay lại vốn số 02/HĐTD-VC-XMYB ngày 27 tháng 9 năm 2006 với mục đích để nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án Nhà máy Xi măng Yên Bình. Ngày 05 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 000166/2014/QĐ-HĐQT về việc "Điều chỉnh kế hoạch trả nợ vay đầu tư của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình", theo đó, khoản vay của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình được kéo dài thời gian trả nợ gốc thêm 4 (bốn) năm.



10/10/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/IN

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	1.872.028.708.622	1.061.685.970.121	797.236.213.777	86.301.008.499	3.817.251.901.019
Mua trong năm	866.569.134	44.189.564.831	16.220.500.652	1.843.542.139	63.120.176.756
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	371.312.595	246.363.636	32.154.979.977	-	32.772.656.208
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(15.869.139.074)	(310.835.590)	-	-	(16.179.974.764)
Thanh lý, nhượng bán	(62.006.342)	(41.563.756.405)	(222.289.964.966)	(327.799.122)	(264.243.526.833)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn tại công ty con (*)	(5.291.745.093)	(30.629.273.715)	(1.184.363.788)	(327.987.843)	(37.433.370.439)
Tăng/(Giảm) khác trong năm	(6.119.587.429)	3.767.614.341	(20.600.000)	(61.915.523)	(2.434.588.611)
Tại ngày 31/12/2014	1.845.924.012.413	1.037.385.647.121	622.116.765.652	87.426.848.150	3.592.853.273.336
GIÁ TRỊ HAO MÔN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	573.294.813.225	747.442.992.303	423.847.795.472	62.963.626.108	1.807.549.227.108
Khấu hao trong năm	118.163.807.094	65.172.151.623	77.775.618.341	6.850.672.207	267.962.309.265
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(871.810.285)	(77.708.920)	-	-	(949.519.205)
Thanh lý, nhượng bán	(50.322.000)	(33.414.133.143)	(67.401.039.607)	(327.406.626)	(101.192.871.378)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn tại công ty con (*)	(2.256.320.980)	(23.606.614.590)	(578.122.379)	(152.546.843)	(26.603.604.792)
Tăng/(Giảm) khác trong năm	598.407.201	(953.186.236)	(71.100.496)	(556.971.468)	(982.850.999)
Tại ngày 31/12/2014	688.868.634.255	754.563.531.035	433.573.151.331	68.777.373.378	1.945.782.689.999
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	1.157.055.378.158	282.822.116.086	188.543.614.321	18.649.474.772	1.647.070.583.337
Tại ngày 31/12/2013	1.298.733.895.397	314.242.977.818	373.388.418.305	23.337.382.391	2.009.702.673.911

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.185.334 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 1.390.880 triệu VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Vật tư Ngành nước tại thời điểm thoái vốn được ghi giảm với số tiền lần lượt là khoảng 37,4 tỷ VND và 26,6 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	2.393.958.725	6.436.163.344	75.356.246.568	84.186.368.637
Tại ngày 31/12/2014	2.393.958.725	6.436.163.344	75.356.246.568	84.186.368.637
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	1.669.175.415	4.237.954.086	36.418.377.032	42.325.506.533
Khấu hao trong năm	103.087.344	389.511.560	4.414.342.503	4.906.941.407
Tại ngày 31/12/2014	1.772.262.759	4.627.465.646	40.832.719.535	47.232.447.940
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	621.695.966	1.808.697.698	34.523.527.033	36.953.920.697
Tại ngày 31/12/2013	724.783.310	2.198.209.258	38.937.869.536	41.860.862.104

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	53.098.362.118	3.230.047.988	56.328.410.106
Tăng trong năm	355.486.000	521.781.818	877.267.818
Thanh lý, nhượng bán	-	(54.469.422)	(54.469.422)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.586.569.235)	-	(1.586.569.235)
(Giảm) khác trong năm	-	(270.400.000)	(270.400.000)
Tại ngày 31/12/2014	51.867.278.883	3.426.960.384	55.294.239.267
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	3.451.046.510	2.523.847.401	5.974.893.911
Khấu hao trong năm	447.418.706	698.594.406	1.146.013.112
Thanh lý, nhượng bán	-	(54.469.422)	(54.469.422)
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(82.205.660)	-	(82.205.660)
(Giảm) khác trong năm	-	(145.524.999)	(145.524.999)
Tại ngày 31/12/2014	3.816.259.556	3.022.447.386	6.838.706.942
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	48.051.019.327	404.512.998	48.455.532.325
Tại ngày 31/12/2013	49.647.315.608	706.200.587	50.353.516.195

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 52 Lạc Long Quân với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 10.855.237.316 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.637.014.444 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công trình Nhà máy Thủy điện Ngòi Phút (*)	1.800.701.626.678	1.341.291.232.406
Công trình Trung tâm Thương mại Chợ Mơ (*)	979.275.069.889	1.090.865.520.637
Khu đô thị du lịch Cái Giã - Cát Bà (*)	203.800.069.775	180.664.965.998
Dự án Mở đường vào khu Trung Văn	66.479.369.572	66.326.145.572
Công trình Khu công nghiệp Bắc Phú Cát	74.091.375.846	61.405.319.248
Dự án cấp nước Tây Nam Hà Nội	8.361.494.008	19.714.032.847
Khu đô thị Nam Cầu Trần Thị Lý	74.122.885.078	73.943.032.351
Công trình mạng lưới cấp nước Sông Đà, Hà Nội	26.834.114.731	26.834.114.731
Các dự án khác	65.077.700.878	61.807.359.271
	3.298.743.704.455	2.922.851.663.061

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 23, tài sản hình thành từ các Công trình này được dùng để thế chấp cho các khoản tiền vay theo các hợp đồng vay dài hạn giữa các công ty con với các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	1.041.091.405.384	9.627.543.200	170.343.179.243	1.221.062.127.827
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	284.055.383.556	-	-	284.055.383.556
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	13.227.592.119	-	2.952.382.645	16.179.974.764
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình	-	-	1.586.569.235	1.586.569.235
Thanh lý, nhượng bán	(22.323.754.354)	-	(2.654.763.410)	(24.980.517.764)
Tăng khác	1.570.763.357	-	226.577.942	1.797.341.299
Tại ngày 31/12/2014	1.317.619.390.062	9.627.543.200	172.453.945.655	1.499.700.878.917
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	179.946.086.490	2.316.613.545	49.069.189.690	231.331.889.725
Khấu hao trong năm	49.472.830.161	385.101.728	9.382.418.524	59.240.350.513
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	680.490.887	-	269.028.318	949.519.205
Phân loại lại từ tài sản cố định vô hình	-	-	87.205.560	87.205.660
Thanh lý, nhượng bán	(1.608.063.094)	-	(243.084.092)	(1.856.147.186)
(Giảm) khác	(6.562.431.100)	-	-	(6.562.431.100)
Tại ngày 31/12/2014	221.928.913.344	2.701.715.273	58.554.758.200	283.185.386.817
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	1.095.690.476.718	6.925.827.927	113.899.187.455	1.216.515.492.100
Tại ngày 31/12/2013	861.145.318.894	7.310.929.655	121.273.989.553	989.730.238.102

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là khoảng 262,211 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 310,470 triệu VND) đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này, đồng thời cũng không có giá thị trường đáng tin cậy để trình bày.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 54 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN/HN**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty mẹ (%)	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ (%)	Hoạt động chính	Giá gốc	Tăng/(giảm)	Giá trị đầu tư
						khóa đầu tư	do biến động lãi sản phẩm	theo phương pháp vốn chủ sở hữu
						VND	VND	VND
Góp vốn liên doanh								
1	Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh (i)	Hà Nội	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	340.269.000.000	(126.856.366.702)	213.412.633.298
2	Công ty TNHH Quốc tế Liền doanh VINACONEX - TAISEI	Hà Nội	29,00%	29,00%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	20.110.181.541	58.253.711.932	78.363.896.473
Công ty liên kết								
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	Hà Nội	29,20%	29,20%	Sản xuất công nghiệp	110.915.000.000	50.957.981.980	161.872.981.980
2	Công ty Cổ phần Nhũn lặc và Thương mại Vinaconex	Hà Nội	48,53%	44,20%	Thương mại - dịch vụ	14.560.000.000	11.677.450.066	26.237.450.066
3	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	34.788.609.112	6.465.934.200	41.254.543.312
4	Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Pha	Quảng Ninh	20,00%	30,00%	Sản xuất xi măng	600.000.000.000	(491.771.260.333)	108.228.739.667
5	Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	Hà Nội	40,48%	30,36%	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	50.608.913.053	(50.608.913.053)	-
6	Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (i) (iii)	Hà Nội	29,00%	33,00%	Tài chính - ngân hàng	390.000.000.000	27.360.809.823	417.360.809.823
7	Công ty Cổ phần Ông sợi Thủy tinh Vinaconex (i)	Hà Nội	22,33%	10,00%	Sản xuất công nghiệp	6.900.000.000	589.338.905	7.489.338.905
8	Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	Yên Bái	31,64%	26,00%	Sản xuất xi măng	31.002.171.000	(49.619.803.383)	31.382.367.617
9	Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang (ii)	Hà Nội	21,00%	21,00%	Đầu tư và khai thác đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang	42.111.081.600	-	42.111.081.600
						1.691.264.959.306	(563.551.116.565)	1.127.713.842.741

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)**

- (i) Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt chủ trương thoái vốn tại các công ty này theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình lên kế hoạch để thực hiện nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (ii) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300846090 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2014, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang đều là 21%.
- (iii) Tổng Công ty sở hữu 39.000.000 cổ phiếu của Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (gọi tắt là "VVF") với tổng giá trị là 390.000.000.000 VND và với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Trong năm 2014, VVF đã có kế hoạch tái cơ cấu theo phương thức sáp nhập và hoán đổi cổ phiếu do VVF phát hành thành cổ phiếu của một đối tác khác. Tại ngày lập báo cáo này, VVF vẫn đang trong quá trình hoàn thiện phương án tái cơ cấu trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	(Trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả (i)	1.923.525.000.000	2.007.226.547.985
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel (ii)	92.500.000.000	92.500.000.000
Công ty cổ phần BOT 38	77.500.000.000	-
Quỹ Đầu tư Phát triển Việt nam	72.000.000.000	72.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Quảng Ninh	52.761.753.930	52.761.753.930
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH VINA SANWA	25.005.670.788	25.005.670.788
Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội	17.663.275.000	17.663.275.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	14.500.000.000	14.500.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	136.393.734.604	67.583.584.260
	2.475.849.434.322	2.413.240.831.963
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(27.464.275.869)	(45.556.990.751)
Giá trị thuần của khoản đầu tư dài hạn khác	2.448.385.158.453	2.367.683.841.212

- (i) Là khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả vay không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay VCG số 1 và Hợp đồng vay VCG số 2 ngày 26 tháng 10 năm 2013 và ngày kết thúc hợp đồng vay lần lượt là 29 tháng 8 năm 2021 và 29 tháng 11 năm 2015 với hạn mức cho vay tương ứng là 90.000.000 USD và 9.000.000 USD, lãi suất vay là 1,5%/năm.
- (ii) Ngày 09 tháng 02 năm 2015, Tổng Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 9.250.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex - Viettel cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hoa Hướng Dương.

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê tài sản	59.479.432.092	21.904.521.462
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	7.071.858.012	19.093.916.769
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	74.719.517.625	63.808.451.145
Khác	35.780.991.864	58.725.148.599
	156.451.799.593	163.532.037.975

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	2.013.397.592.642	2.329.001.283.920
- Vay tại Công ty mẹ	259.938.921.779	426.864.107.077
- Vay tại các công ty con	1.753.458.670.863	1.902.137.176.843
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	467.705.201.927	564.615.701.858
- Vay tại Công ty mẹ	123.044.502.221	150.161.010.100
- Vay tại các công ty con	344.660.699.706	414.454.691.758
	2.481.102.794.569	2.893.616.985.778

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	1.867.775.341.996	2.134.852.591.754
Vay ngắn hạn cá nhân	145.622.250.546	194.148.692.166
Vay cái hạn đến hạn trả	467.705.201.927	564.615.701.858
	2.481.102.794.569	2.893.616.985.778

Các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân không được đảm bảo và chịu lãi suất trong năm từ 3,6%/năm đến 13%/năm (năm tài chính 2013: từ 5%/năm đến 14%/năm).

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	134.701.476.356	202.257.707.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.327.204.518	78.517.633.134
Thuế thu nhập cá nhân	17.817.819.178	18.012.065.190
Thuế tài nguyên	6.559.191.081	859.279.154
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	151.815.541.844	159.075.384.066
Các loại thuế khác	37.455.477.155	33.630.093.204
	418.676.710.132	492.352.162.054

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Dầu tư Đại Dương Thăng Long (tiền đất dự án HH (i))	500.000.000.000	500.000.000.000
Phải trả chi phí thi công công trình	433.895.287.089	488.162.172.337
Kinh phí bảo trì các tòa nhà chung cư (ii)	172.253.018.547	158.891.778.289
Phải trả lãi tiền vay	11.205.690.260	36.186.956.128
Khoản trích theo lương phải nộp Ngân sách Nhà nước	35.138.589.248	39.352.390.631
Dặt cọc	20.274.177.511	57.807.799.259
Thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp	-	42.565.009.558
Cổ tức phải trả	1.763.206.254	1.599.559.254
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	391.382.217.907	420.706.416.378
	1.565.912.186.816	1.745.272.081.834

(i) Khoản tiền nhận từ Công ty Cổ phần Dầu tư Đại Dương Thăng Long theo cam kết trong hợp đồng hợp tác với Tổng Công ty để đầu tư xây dựng Dự án Star City Center là một khu tổ hợp thương mại tại khu đất HH - Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, thành phố Hà Nội.

(ii) Kinh phí bảo trì các tòa nhà phải nộp cho Ban quản lý nhà chung cư theo Luật Nhà ở năm 2006.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn chủ yếu bao gồm dự phòng bảo hành cho các dự án N05, dự án Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinacorex 1, dự án chung cư 57 Vũ Trọng Phụng tại Công ty mẹ và các công ty con theo tỷ lệ trích lập từ 4,5% - 5% trên doanh thu của các dự án lũy kế đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 và các chi phí ước tính để bảo dưỡng và sửa chữa các công trình, dự án khác theo hướng dẫn lại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	4.022.324.613.413	4.112.097.208.745
- Vay tại Công ty mẹ	1.464.011.992.302	1.611.413.353.829
- Vay tại các công ty con	2.558.312.621.111	2.500.683.854.916
Nợ thuế tài chính dài hạn	37.209.286.831	47.962.771.364
- Tại các công ty con	37.209.286.831	47.962.771.364
	4.059.533.900.244	4.160.059.980.109
Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	(467.705.201.927)	(564.615.701.858)
Số phải trả sau 12 tháng	3.591.828.698.317	3.595.444.278.251

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinacomex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn của Tổng Công ty như sau:

Ngân hàng	Tiền tệ	31/12/2014	31/12/2013
		VND	(Trình bày lại) VND
- Ngân hàng BNP Paribas	(i) USD	185.989.264.079	220.184.834.486
- Ngân hàng Natexis	(ii) USD	101.966.365.877	129.336.079.058
- Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc	(iii) USD	113.426.801.776	167.851.499.715
- Quỹ Đầu tư Phát triển Thành phố Hà Nội	(iv) VND	1.062.629.560.570	1.062.629.560.570
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1	(v) VND	285.741.500.000	323.141.500.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	(vi) VND	85.000.000.000	116.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	(vii) VND	166.614.686.024	148.101.943.132
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bm Sơn	(viii) VND	72.596.402.948	9.343.875.558
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(ix) VND	101.923.858.800	191.923.858.800
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	(x) VND	953.203.203.951	657.293.786.355
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	(xi) VND	336.336.353.000	304.856.071.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Vinacomex- Viettel	VND	337.386.956.747	411.181.109.090
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinacomex</i>	(xii) VND	<i>287.041.830.060</i>	<i>282.041.830.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinacomex</i>	VND	<i>991.072.054</i>	<i>37.501.379.090</i>
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Vinacomex</i>	VND	<i>51.354.054.693</i>	<i>91.638.000.000</i>
- Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng, tổ chức khác	VND	256.718.946.472	418.215.862.345
Cộng		4.059.533.900.244	4.160.059.980.109

- (i) Ngày 10 tháng 10 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng BNP Paribas, một ngân hàng Pháp có Đăng ký kinh doanh số 662042449 tại Phòng Đăng ký Công ty và Thương mại Paris với số tiền 18.055.000 USD. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR 6 tháng cộng (-) 1,8%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2010. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (ii) Khoản vay này phục vụ cho Dự án Hệ thống cấp nước Sông Đà và được đảm bảo bởi bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam. Khoản vay này chịu lãi suất là LIBOR cộng (-) 2,35%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 20 kỳ (6 tháng/1 kỳ) bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2007.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phân hợp thành và cần được đọc đồng thời với bản cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (iii) Ngày 27 tháng 9 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Thiết bị nặng Quốc gia Trung Quốc với số tiền 19.901.767 USD để phục vụ cho Dự án Nhà máy Xi măng Yên Bình. Khoản vay này chịu lãi suất là 3,78%/năm. Khoản vay này phải được hoàn trả trong 15 kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này được bảo đảm bằng bảo lãnh của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.
- (iv) Khoản vay Quỹ đầu tư Phát triển thành phố Hà Nội phục vụ cho Dự án bảo tàng Hà Nội với lãi suất 0% và phục vụ cho Dự án Kim Chung với nhiều hợp đồng vay có thời hạn vay 15 tháng và lãi suất từ 11,4%/năm đến 12%/năm.
- (v) Ngày 06 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) cùng với Tổng Công ty và Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 ký kết Hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 51/2010/HDKT-NHPT. Theo đó, Công ty nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ trị giá là 493.505.000.000 VND với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1. Khoản dư nợ này là của hai khoản vay với lãi suất lần lượt là 6,5%/năm và 8,4%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.
- (vi) Ngày 05 tháng 8 năm 2010, Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) cùng với Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01/2010/PLHDTD của Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01-2005/HĐTD-DH ngày 26 tháng 10 năm 2005 (được ký trước đây giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam). Theo đó, Công ty con nhận lại từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam một phần dư nợ trị giá là 196.000.000.000 VND với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy. Lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng 3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành sau đầu tư giai đoạn 1 Dự án Đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông.
- (vii) Ngày 12 tháng 5 năm 2009, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) đã ký Hợp đồng hạn mức tín dụng dài hạn 1200-LAV-201100624 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với hạn mức tín dụng là 400 tỷ VND. Hợp đồng hạn mức tín dụng có thời hạn 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 19 tháng 5 năm 2011. Ngày 19 tháng 11 năm 2012, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 1200LAV23091205/PL02. Theo Phụ lục này, để hạch trả gốc là 6 tháng 1 lần, thời gian ân hạn là 36 tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 42 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20 tháng 11 năm 2014). Thời hạn rút vốn vay là 48 tháng kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2009 (ngày ký hợp đồng). Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của bên cho vay cộng (-) ba phần trăm một năm (3%/năm). Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số dư có trên tài khoản tiền gửi của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch, các tổ chức tín dụng khác và tài sản hình thành từ Dự án Khu đô thị Du lịch Cải Gié - Cải Bà (cho dù tài sản đó đang tồn tại hay sẽ được hình thành trong tương lai, hiện nay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex đang tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thế chấp tài sản hình thành từ Dự án) và được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.
- (viii) Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký các hợp đồng vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Sơn. Các khoản vay này được dùng để đầu tư, mua sắm thiết bị thi công và tài sản mới (trạm trộn bê tông, cần cẩu tháp, máy đào bánh lốp) và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Các khoản vay có thời hạn vay từ 3 năm đến 7 năm, lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng vay từ 11%/năm đến 11,5%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (ix) Tại ngày 01 tháng 7 năm 2010, Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 (công ty con của Tổng Công ty) ký hợp đồng vay trung hạn với hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội - Sở giao dịch Hà Nội (Habubank) (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội, gọi tắt là "SHB") và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (Vinaconex - Viettel); trong đó SHB là ngân hàng đầu mối, tỷ lệ cam kết cấp khoản vay của SHB và Vinaconex - Viettel lần lượt là 87,5% và 12,5%. Theo Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLHD-TDH/SHB.BD ký giữa Công ty và SHB, khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 23 tháng 3 năm 2012 đến ngày 23 tháng 3 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lại sau + 3%/năm, lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần. Khoản vay được sử dụng để thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án khu đô thị mới Kim Văn - Kim Lũ và các chi phí hợp pháp khác liên quan đến dự án. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay.
- (x) Ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức tối đa là 535.466 tỷ VND, thời hạn vay là 144 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phất. Khoản vay chịu lãi suất không vượt quá mức trần lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ, được tính bằng (-) 4%/năm + lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm bình quân từ dân cư bằng VND của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch, Chi nhánh Từ Sơn và Chi nhánh Lào Cai). Các tài sản đảm bảo bao gồm:
- Bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam cho Công ty để vay vốn ngân hàng với giá trị bảo lãnh tối thiểu bằng tổng số tiền ngân hàng đã cam kết cho vay.
 - Thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất, các công trình của dự án, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại "Dự án" hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; Toàn bộ máy móc thiết bị (trung phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các công sản khác liên quan đến hoặc thuộc về Dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp.

Ngày 16 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01.2014/PL sửa đổi hạn mức tín dụng thành mức tối đa là 1.129 tỷ đồng và sửa đổi thời hạn vay của Hợp đồng này là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, đồng thời điều chỉnh thời gian rút vốn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

- (xi) Ngày 18 tháng 10 năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (công ty con của Tổng Công ty) đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai với hạn mức tối đa là 437.745 tỷ VND, thời hạn vay là 96 tháng để thực hiện thanh toán một phần chi phí đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phất. Khoản vay chịu lãi suất trong hạn là 11,4%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này.
- (xii) Ngày 14 tháng 6 năm 2012, Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex (công ty con của Tổng Công ty) đã ký Hợp đồng vay trung hạn số 14-0612/TDTH-VCTD với Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel với hạn mức cho vay là 200 tỷ VND để thanh toán các chi phí xây dựng, mua sắm lắp đặt thiết bị thuộc dự án Trung tâm Thương mại Chợ Mơ. Thời hạn cho vay tối đa là 12 tháng tính cho từng lần rút vốn. Khoản vay chịu lãi suất 15,5%/năm. Công ty dùng các tài sản hình thành sau đầu tư của Dự án và các tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty để thế chấp khoản vay này. Ngày 30 tháng 11 năm 2013, Công ty và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel đã ký thỏa thuận xử lý tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ diện tích mặt sàn từ tầng 6 đến tầng 15 và một phần tầng 16 của Tòa nhà văn phòng để đổi trả khoản vay có giá trị tương đương là 282 tỷ VND. Hiện hai bên đang tiến hành các thủ tục xử lý tài sản theo Biên bản thỏa thuận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vượt khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Nguồn kinh phí	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	4.417.106.730.000	355.104.902.000	1.235.250.632	6.594.056.759	468.252.243.589	102.977.519.387	3.330.000.340	304.554.330.357	(462.519.145.574)
Tăng trong năm	-	-	-	2.985.038.615	-	-	-	40.251.904.871	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	496.015.591.939
Trích quỹ	-	-	-	-	8.134.500.566	4.873.135.446	-	-	(26.099.575.889)
Tăng (Giảm) do Công ty mẹ thoái vốn	-	-	-	-	(25.257.806.395)	(6.611.373.425)	-	-	31.240.073.824
Thay đổi do Công ty liên kết thay đổi vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	6.515.717.946
Quyết toán với ngân sách Nhà nước về kinh phí nhận được	-	-	-	-	-	-	-	(93.606.920.224)	-
Tăng (Giảm) khác trong năm	-	-	357.281.210	(3.261.374.750)	6.408.734.682	481.261.362	(2.350.902)	-	(223.913.854)
Tại ngày 01/01/2014	4.417.106.730.000	355.104.902.000	1.592.531.842	6.317.720.624	487.568.078.538	102.320.642.770	3.327.649.438	251.201.345.004	44.937.750.392
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	305.191.576.112
Trích quỹ	-	-	-	-	2.329.795.165	940.054.872	-	-	(18.438.710.047)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(176.584.269.200)
Giảm lỗ lũy kế do mua lại khoản đầu tư sản Công ty Cổ phần Văn tại Vinaconex	-	-	-	-	-	-	-	-	58.680.673.048
Thay đổi do Công ty liên kết thay đổi vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.850.097.500)
Tăng (Giảm) do Công ty mẹ thay đổi tỷ lệ lợi ích tại công ty con	-	-	-	341.852.261	(1.298.508.195)	(89.568.073)	6.712.373	-	(4.395.003.055)
Tăng (Giảm) khác trong năm	-	-	-	16.567.081	(5.275.207.669)	(62.340.390)	(41.923.085)	2.115.489.638	(1.096.006.594)
Tại ngày 31/12/2014	4.417.106.730.000	355.104.902.000	1.592.531.842	6.676.146.566	453.314.057.841	102.409.089.179	3.292.438.726	253.318.834.612	205.648.913.146



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:**

	Năm 2014		Năm 2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000
Số dư cuối năm	441.710.673	4.417.106.730.000	441.710.673	4.417.106.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Viraconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong 03 lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và kinh doanh bất động sản, sản xuất công nghiệp và dịch vụ thương mại. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo 03 bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	17.337.996.125.347	3.599.414.305.382	2.373.759.754.877	2.831.943.078.683	(3.321.271.232.665)	22.821.842.031.624
Tổng tài sản hợp nhất	17.337.996.125.347	3.599.414.305.382	2.373.759.754.877	2.831.943.078.683	(3.321.271.232.665)	22.821.842.031.624
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	12.824.793.843.025	2.450.754.452.505	1.884.051.789.814	-	(1.610.119.451.185)	15.549.480.634.159
Tổng nợ phải trả hợp nhất	12.824.793.843.025	2.450.754.452.505	1.884.051.789.814	-	(1.610.119.451.185)	15.549.480.634.159

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Đầu tư tài chính VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	17.915.785.295.987	3.115.852.616.807	2.483.891.108.014	2.665.197.526.240	(3.227.576.084.638)	22.953.150.462.410
Tổng tài sản hợp nhất	17.915.785.295.987	3.115.852.616.807	2.483.891.108.014	2.665.197.526.240	(3.227.576.084.638)	22.953.150.462.410
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	13.324.245.959.175	2.170.477.718.618	1.931.869.274.505	-	(1.597.873.048.830)	15.828.719.903.468
Tổng nợ phải trả hợp nhất	13.324.245.959.175	2.170.477.718.618	1.931.869.274.505	-	(1.597.873.048.830)	15.828.719.903.468

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CIXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN/11N****25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản	Sản xuất công nghiệp	Dịch vụ thương mại	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	8.762.542.930.843	759.075.298.535	191.875.199.003	(1.367.036.213.026)	8.346.457.215.355
Chi phí sản xuất kinh doanh	8.514.577.694.473	575.630.588.529	193.783.939.106	(1.348.556.442.435)	7.935.435.779.673
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	247.965.236.370	183.444.710.006	(1.908.740.103)	(18.479.770.591)	411.021.435.682
Lãi trong công ty liên kết, liên doanh					90.812.799.428
Doanh thu hoạt động tài chính					192.965.944.335
Chi phí tài chính					299.246.061.663
Lợi nhuận khác					24.583.067.747
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					420.137.185.529
Chi phí thuế TNDN hiện hành					55.854.364.644
(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(4.460.220.371)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					368.743.041.256

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản	Sản xuất công nghiệp	Dịch vụ thương mại	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	9.859.714.846.788	3.154.737.592.074	207.320.556.236	(2.117.624.510.177)	11.104.148.484.921
Chi phí sản xuất kinh doanh	9.536.207.887.670	2.868.351.161.505	251.906.726.115	(2.292.261.263.845)	10.364.204.511.445
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	323.506.959.118	286.386.430.569	(44.586.169.879)	174.636.753.668	739.943.973.476
Lãi trong công ty liên kết, liên doanh					30.353.895.725
Doanh thu hoạt động tài chính					408.812.677.368
Chi phí tài chính					839.628.708.264
Lợi nhuận khác					373.531.573.580
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					713.013.411.885
Chi phí thuế TNDN hiện hành					70.518.827.067
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					119.573.503.072
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					522.921.081.746

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu xây lắp	5.298.880.535.421	6.460.615.142.919
Doanh thu sản xuất công nghiệp	727.140.207.385	2.646.641.443.023
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.488.648.103.724	1.264.753.817.572
Doanh thu cung cấp dịch vụ	582.597.931.378	630.804.315.127
Doanh thu khác	250.422.533.280	170.399.194.119
	8.347.689.311.188	11.173.213.914.760
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	-	67.107.513.296
Giảm giá hàng bán	492.747.301	853.670.154
Hàng bán bị trả lại	739.248.532	1.104.246.389
	1.232.695.833	69.065.429.839
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.346.457.215.355	11.104.148.484.921

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	5.007.407.701.258	5.794.197.277.120
Giá vốn sản xuất công nghiệp	472.233.336.450	2.055.418.930.509
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.248.649.722.069	1.059.112.354.221
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	430.149.638.373	546.633.368.053
Giá vốn hàng bán khác	208.121.037.921	203.840.126.606
	7.366.561.436.071	9.659.202.056.509

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.711.367.234.099	4.158.200.744.264
Chi phí nhân công	1.259.633.564.541	1.396.885.057.531
Chi phí khấu hao tài sản cố định	333.255.614.297	573.215.806.554
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	2.526.158.047.611	3.994.167.224.704
	6.830.414.460.548	10.122.468.833.053

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	100.673.388.470	46.616.709.107
Lãi chênh lệch tỷ giá	43.517.886.375	160.495.539.584
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.131.934.000	10.159.277.122
Lãi chuyển nhượng đầu tư tài chính	28.778.014.342	10.395.280.281
Lợi nhuận cố định từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	150.000.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.864.721.148	31.445.871.274
	192.965.944.335	408.812.677.368

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	275.832.731.052	663.439.192.859
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	417.584.993	(19.770.151.772)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.271.085.097	91.577.422.709
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.604.975.168	52.729.147.591
Chi phí tài chính khác	4.119.685.353	51.653.096.877
	299.246.061.663	839.628.708.264

31. LỢI NHUẬN KHÁC

	2014	2013
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	91.000.325.034	38.659.691.860
Thu nhập từ thuế nhà thầu nước ngoài	42.565.009.558	-
Lợi nhuận thực hiện trong giao dịch bán tài sản nội bộ khi thoái vốn tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	12.983.740.019	322.165.871.553
Thu từ tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Dự án Xi măng Cẩm Phả (i)	12.074.488.443	-
Hiếm nhập chi phí bảo hành dự án N05	-	24.489.648.348
Các khoản thu nhập khác	75.444.783.680	49.827.556.542
Thu nhập khác	234.070.346.734	435.137.768.305
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	163.050.655.455	13.183.191.321
Các khoản chi phí khác	46.436.623.532	48.423.003.404
Chi phí khác	209.487.278.987	61.606.194.725
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	24.583.067.747	373.531.573.580

- (i) Là khoản hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Dự án Xi măng Cẩm Phả. Căn cứ theo Hợp đồng nguyên tắc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư số 1311/2005/HĐ/HTLS ngày 31 tháng 12 năm 2005 và Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư sửa đổi, bổ sung số 02/2014/HĐ/HTS/TSEBBS-NHPT ngày 10 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty được hưởng khoản này do là chủ đầu tư của Dự án. Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả đang thực hiện các thủ tục để thống nhất việc ghi nhận khoản thu nhập từ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Dự án trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả với số tiền khoảng 12 tỷ VND. Việc ghi nhận khoản thu nhập này sẽ ảnh hưởng tới giá trị của khoản phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả trên báo cáo của Tổng Công ty. Trên Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính với số tiền là 3,8 tỷ đồng theo tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31/12/2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ trong năm là 305.105.011.309 VND (năm tài chính 2013: 496.015.591.939 VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 441.710.673 (năm tài chính 2013: 441.710.673), được thực hiện như sau:

	2014	2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	368.743.041.256	522.921.081.746
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông Công ty mẹ (VND)	305.494.576.112	496.015.591.939
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	441.710.673	441.710.673
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	692	1.123

33. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TANG VÀ THÔNG TIN KHÁC

Theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ về việc "Ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam", Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng có ý kiến kết luận như sau:

- Đồng ý nội dung báo cáo và kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản tiền sử dụng đất và tăng 1 các nhà chung cư cao tầng Vinaconex đã xây dựng tại Dự án Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.
- Đồng ý với kiến nghị của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc xử lý khoản lỗ và khoản tiền do các cổ đông chưa nộp khi tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Vinaconex.
- UBND TP Hà Nội xem xét điều chỉnh lại quy hoạch và tính toán tiền sử dụng đất phải nộp đối với diện tích đất xây dựng các nhà nổi trên đất lún chống tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính.
- Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh để xử lý theo đúng quy định.

Tiếp theo Thông báo số 65/TB-VPCP ngày 29 tháng 02 năm 2012 về xử lý tài chính sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và có Công văn số 1858/BXD-DMDN ngày 24 tháng 10 năm 2012 trình lên Thủ tướng Chính phủ về việc xác định lại thời điểm (thời gian) phát sinh việc Vinaconex dùng giá trị lợi thế về quyền sử dụng đất được Nhà nước giao góp vốn vào liên danh thực hiện Dự án Khu đô thị Bắc An Khánh. Theo đó, việc ghi nhận thỏa thuận hợp tác kinh doanh giữa Vinaconex và Posco E&C phát sinh trong giai đoạn Vinaconex đang là doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, khoản 192 tỷ VND quyền phát triển dự án Khu đô thị Bắc An Khánh có hiệu lực theo giấy chứng nhận đầu tư, do tỉnh Hà Tây cấp cho Công ty liên doanh ngày 08 tháng 12 năm 2006, thì tại thời điểm đó Vinaconex đã là Công ty Cổ phần (từ ngày 01 tháng 12 năm 2006). Công văn số 1858/BXD-DMDN đang trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và quyết định.

Đối với các vấn đề khác, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến các vấn đề nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/TN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TANG VÀ THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

- Trong năm 2014, Tổng Công ty đã nhận được Quyết định số 5524/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2014 của UBND thành phố Hà Nội xác định giá trị quyền sử dụng đất lô đất HH là 1.175 tỷ đồng. Nếu tiến hành bù trừ giá trị quyền sử dụng đất, giá trị công trình bảo tàng Hà Nội đã nghiệm thu và tiền Sở Xây dựng Hà Nội đã ứng cho Tổng Công ty thì Tổng Công ty sẽ phải trả lại Sở Xây dựng Hà Nội số tiền khoảng 524 tỷ đồng. Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Dương Thăng Long (OTL) và Tổng Công ty để thực hiện đầu tư dự án trên lô đất HH, OTL sẽ có nghĩa vụ thanh toán khoản chênh lệch này cho Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty đang làm việc với OTL để thống nhất việc thực hiện nghĩa vụ giữa hai bên.
- Ngày 29 tháng 7 năm 2014, tại Trụ sở Tổng Công ty, Cơ quan cảnh sát Điều tra Bộ Công an đã đến làm việc với Tổng Công ty và công bố Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 03/C46-P10 ngày 24 tháng 7 năm 2014 liên quan đến việc thiết kế, phê duyệt, sản xuất và xây lắp tuyến ống truyền tải nước sạch Dự án nước sông Đà (giai đoạn 1) của Vinaconex. Hiện nay, Tổng Công ty đang phối hợp chặt chẽ với Cục cảnh sát kinh tế và cơ quan pháp luật khác có liên quan để báo cáo, giải trình và làm rõ hơn các nội dung có liên quan theo yêu cầu.
- Ngày 27 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty nhận được Công văn số 11019/SXD-QLKT từ Sở Xây dựng thành phố Hà Nội chấp thuận khối lượng hoàn thành lần ba của Dự án Bảo tàng Hà Nội thêm 102 tỷ VND. Dự án Bảo tàng Hà Nội đang chờ được quyết toán và giá trị khối lượng hoàn thành trên có thể thay đổi sau khi được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước. Do vậy, Tổng Công ty chưa ghi nhận khối lượng này vào báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để quyết toán Dự án Bảo tàng Hà Nội.

Các vấn đề nêu trên chưa được điều chỉnh trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do cơ sở yếu tố chưa chắc chắn, theo đó Tổng Công ty chưa xác định được tài sản và nghĩa vụ của Tổng Công ty một cách đáng tin cậy.

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHỈ TIÊU VỐN

Công ty mẹ - Tổng Công ty cam kết góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang với số tiền 104.227.700.000 VND, chiếm 21% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 42.111.081.600 VND.

35. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Theo Nghị quyết số 02 và số 03/2014/NQ-HDQT ngày 03 tháng 7 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex (Viwasupco) - công ty con của Tổng Công ty - đã có ý kiến chủ trương đầu tư giai đoạn 2 Dự án xây dựng Hệ thống cấp nước sông Đà ("Dự án") nhằm nâng cao chất lượng hệ thống cấp nước từ 500.000 m³/ngày đêm lên 600.000 m³/ngày đêm, dự định chia làm 2 phần kỳ. Đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Viwasupco đang trong giai đoạn chờ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án. Theo đó, tổng mức đầu tư dự kiến của phần kỳ 1 khoảng 1.238 tỷ VND, phần kỳ 2 khoảng 3.683 tỷ VND, thực hiện từ quý 3 năm 2015 đến quý 4 năm 2019. Quyết định cuối cùng về việc đầu tư xây dựng giai đoạn 2 sẽ được quyết định bởi Đại hội đồng cổ đông Viwasupco và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa sử dụng nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 23, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	6.072.931.492.886	6.489.061.264.029
Tiền, Tiền và khoản tương đương tiền	1.478.605.215.383	1.110.600.948.438
Nợ thuần	4.594.326.277.503	5.378.460.315.591
Vốn chủ sở hữu	5.551.144.845.300	5.394.266.045.604
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,83	1,00

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.478.605.215.383	1.110.600.948.438
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.526.453.752.277	5.172.542.198.570
Dầu tư ngắn hạn	159.902.015.160	90.974.152.186
Dầu tư dài hạn	2.448.385.158.453	2.367.583.841.212
Tổng cộng	9.613.346.141.273	8.741.801.140.406
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	6.072.931.492.886	6.489.061.264.029
Phải trả người bán và phải trả khác	4.202.386.682.841	4.165.416.110.261
Chi phí phải trả	773.454.343.440	754.751.036.209
Tổng cộng	11.048.772.519.167	11.409.228.410.499

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaacorex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản hàng tiền và công nợ hàng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	554.989.197.896	669.515.778.841	2.609.591.238.111	3.012.562.313.056

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam thay đổi 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số cứ của các khoản mục tiền tệ hàng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	205.460.204.022	234.304.653.422

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 54 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi về giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	+200	(121.458.629.858)
VND	-200	121.458.629.858
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013		
VND	+200	(129.781.225.281)
VND	-200	129.781.225.281

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đã đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với số tiền khoảng 33,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 46,2 tỷ VND).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện xem xét đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu và trích lập dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi với số tiền khoảng 411,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 313,6 tỷ VND).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình trạng thanh toán ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Chu kỳ: tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.478.605.215.383	-	1.478.605.215.383
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.172.920.272.295	353.541.679.982	5.526.461.952.277
Đầu tư ngắn hạn	159.902.015.163	-	159.902.015.163
Đầu tư dài hạn	-	2.448.385.158.453	2.448.385.158.453
	6.811.419.302.838	2.801.926.838.435	9.613.346.141.273
Các khoản vay	2.481.102.794.569	3.591.828.698.317	6.072.931.492.886
Phải trả người bán và phải trả khác	4.071.932.175.188	130.454.507.653	4.202.386.682.841
Chi phí phải trả	773.454.343.440	-	773.454.343.440
	7.326.489.313.197	3.722.283.205.970	11.048.772.519.167
Chênh lệch thanh khoản thuần	(515.070.010.359)	(920.356.367.535)	(1.435.426.377.894)
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.110.600.948.438	-	1.110.600.948.438
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.876.737.236.521	295.804.962.049	5.172.542.198.570
Đầu tư ngắn hạn	90.974.152.185	-	90.974.152.186
Đầu tư dài hạn	-	2.367.683.841.212	2.367.683.841.212
	6.078.312.337.145	2.663.488.803.261	8.741.801.140.406
Các khoản vay	2.893.616.985.778	3.595.444.278.251	6.489.061.264.029
Phải trả người bán và phải trả khác	4.028.361.395.641	137.054.714.620	4.165.416.110.261
Chi phí phải trả	754.751.036.209	-	754.751.036.209
	7.676.729.417.628	3.732.498.992.871	11.409.228.410.499
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.598.417.080.483)	(1.069.010.189.610)	(2.667.427.270.093)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức kiểm soát được. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty và các Công ty con có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các khoản hỗ trợ lãi chính bằng các khoản vay từ ngân hàng để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMTòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như sau:

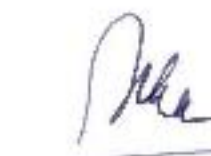
Khuôn mục	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau
		VND	VND	phân loại lại VND

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Dầu tư ngắn hạn	121	4.929.801.044	49.737.069.816	91.666.870.863
Phải thu ngắn hạn khác	135	822.572.371.453	(49.737.069.816)	772.835.301.637
Phải thu dài hạn khác	218	2.302.614.909.683	(2.007.226.547.985)	295.388.361.698
Đầu tư dài hạn khác	258	406.014.283.978	2.007.226.547.985	2.413.240.831.963


Trần Minh Toàn
Người lập biểu

Ngày 31 tháng 3 năm 2015


Nguyễn Quốc Hòa
Kế toán trưởngVũ Quý Hà
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỔNG CÔNG TY 2014 - 2015
(các dự án làm chủ đầu tư và hợp tác đầu tư)

TT	Danh mục các dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo
i Các dự án đang triển khai đầu tư:							
1	Nhà máy thủy điện Ngòi Phát	Cty NEDI 2 (Tcty nắm cổ phần chi phối)	Lào Cai	2007 - 2014	- Diện tích sử dụng đất : 209 ha - Công suất 72 MW - Sản xuất cung cấp điện năng cho khu vực Lào Cai qua l-ới điện Quốc gia để cải thiện chất l-ợng điện và theo biểu đồ điều độ do Tập đoàn Điện lực EVN yêu cầu với điện l-ợng bình quân hàng năm là: 313,9 triệu kWh.	2.068,64	- Dự án đã hoàn thành công tác đầu t- và đã chính thức phát điện th-ơng mại từ 1/1/2015 - Đang triển khai các thủ tục quyết toán vốn đầu t- hoàn thành dự án.
2	Dự án BOT đ-ờng cao tốc Hà nội - Bắc Giang	Liên doanh các nhà đầu t- : Văn phú Invest (33%); Tcty 319 (25%); Tập đoàn Ocean Group (21%); Tcty Vinaconex (21%)	Hà Nội - Bắc Giang	2013-2016	- Điểm đầu: Nút giao QL31 thuộc địa phận Bắc Giang - Điểm cuối: Trạm thu phí Phù Đổng thuộc Hà Nội - Tổng chiều dài đầu t- 45,855 km; trong đó đoạn thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang dài 19 km; đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh dài 19,98 km; đoạn qua thành phố HN dài 6,86km. Quy mô theo tiêu chuẩn đ-ờng cao tốc có chậm tr-ớc,	4.213,00	- Đã ký HĐ BOT chính thức với Bộ GTVT; Hợp đồng thu xếp vốn TDTM; Đã đồng loạt triển khai các gói thầu XL, T- vấn; GPMB cơ bản đã hoàn thành chính tuyến đạt 98%; đ-ờng gom đạt 87%.
3	Hệ thống cấp n-ớc Sông Đà giai đoạn 2	Công ty CP Viwasupco (VCG chiếm cổ phần chi phối)	Hà nội	2014-2019	Nâng công suất Nhà máy từ 300,000 lên 600,000 m3/ngày/đêm	4.922,23 trong đó: t- hạng mục tuyển ống 21 km là: 1,238,4 tỷ đồng	- Chủ đầu t- đã phê duyệt Dự án đầu t-. - Hiện Cty Viwasupco đang cùng với đơn vị t- vấn thực hiện các thủ tục đấu thầu và lựa chọn nhà thầu cho dự án. - Mục tiêu triển khai tuyển ống 21 km trong năm 2015.
4	Dự án Khu công nghiệp công nghệ cao II (Khu công nghiệp Bắc Phú Cát)	Tcty Vinaconex	Khu CNC Hòa lạc	2012 - 2020	- Diện tích sử dụng đất: 277ha - Dự án đầu t- xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu CN CNC 2 gồm hệ thống đ-ờng giao thông, cấp điện, cấp thoát n-ớc, xử lý chất thải, thông tin liên lạc và kinh doanh hạ tầng đã đ-ợc tạo ra.	1.316,70	- Đã có Quyết định thuê đất chính thức. - Tcty đã phê duyệt dự án đầu t- - Hiện Tcty đang nỗ lực phối hợp với BQL khu CNC Hòa Lạc và các địa ph-ơng đẩy mạnh công tác tác GPMB các khu vực - u tiên và triển khai các hạng mục thi công hạ tầng đã đ-ợc HĐQT phê duyệt. - Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu t- để

TT	Danh mục các dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo
5	Hạ tầng kỹ thuật khu CN CNC Hoà Lạc 34,5 ha	Tcty Vinaconex	Khu CNC Hòa lạc	2005	- Diện tích sử dụng đất 34,5 ha. - Dự án đầu t- xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu 34,5 ha gồm hệ thống đ- ờng giao thông, cấp điện, cấp thoát n- ớc, xử lý chất thải, thông tin liên lạc và kinh doanh hạ tầng đã đ- ợc tạo ra.	58,67	- Đã hoàn thành đầu t- hạ tầng của dự án. Hiện đang khai thác và quản lý các Nhà đầu t- thuê lại đất. - Đang tiến hành các thủ tục xác định giá thuê đất thô với BQL khu CNC Hòa Lạc; xác định - u đãi đầu t- tại khu CNC Hòa Lạc
6	Dự án Khu chung c- 97 - 99 Láng Hạ	Công ty CP Bất động sản Dầu khí (Petrowaco) Vinaconex tham gia hợp tác đầu t- theo tỷ lệ 45/55	97-99 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, HN	2014-2016	- Diện tích sử dụng đất: 4.233,1 m2. - Xây dựng nhà ở chung c- cao tầng và văn phòng làm việc theo quy hoạch TMB và ph- ơng án thiết kế đ- ợc Sở QHKT chấp thuận, cụ thể: Diện tích XD: 1.480 m2; diện tích tầng hầm và bãi đỗ xe: 2.575 m2; tổng diện tích sàn XD: 52.594 m2. - Tầng cao công trình 27 tầng nổi cao 102,3 m; 3 tầng hầm; 1 tầng kỹ thuật với cơ cấu: tầng hầm: để xe, dịch vụ công cộng; tầng 1: dịch vụ công cộng, sinh hoạt cộng đồng; tầng 2 đến tầng 7: văn phòng; tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng; Tầng 8 đến tầng 27: căn hộ	603,80	- Tổng công ty đã ký Hợp đồng Hợp tác đầu t- với đối tác Petrowaco. - Đang triển khai công tác đền bù và GPMB dự án. Đang tiến hành công tác phá dỡ khối nhà Văn phòng và triển khai phá dỡ nhà A1 và A2 để có mặt bằng thi công cọc thí nghiệm. - Đang hoàn tất các thủ tục để sớm triển khai dự án.
7	Dự án tòa chung c- 2B tại dự án VINATA TOWER	Vinaconex	Đ- ờng Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, HN	2014 - 2016	Xây dựng tòa nhà chung c- để bán diện tích xây dựng 1.025,7 m2; chiều cao công trình 81,5m2 với 21 tầng xây dựng và 2 tầng hầm; tổng diện tích sàn xây dựng là: 21.200,8 m2.	374,71	- Đa ký Hợp đồng hợp tác đầu t- với đối tác Nhật triển khai dự án Vinata Towers. Hiện đang phối hợp với Cty Vinata tiến hành thủ tục nộp tiền SDD cho dự án. - Tổng công ty đang triển khai thủ tục ký kết Hợp đồng tổng thầu EPC để triển khai thi công - Đã đồng ý đầu tư dự án
8	Khu đô thị Nhà ở xã hội tại Quý đất dự trữ 18,5 ha khu đô thị Bắc An Khánh	Vinaconex - Handico (45-55) hợp tác nghiên cứu dự án	Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	2011 - 2015	- Quy mô diện tích theo Quy hoạch đ- ợc duyệt: 182.466 m2 - Dự án gồm: 27 tòa nhà cao tầng trong đó 06 nhà cao 15 tầng; 10 nhà 20 tầng; 05 nhà 25 tầng; 01 nhà 29 tầng; 01 tr- ờng mầm non; 01 tr- ờng tiểu học; 01 tr- ờng trung học; 02 vị trí bãi đỗ xe. - Diện tích đất xây dựng: 35.179 m2 - Diện tích sàn xây dựng: 453.400 m2	5.050,00	- Đã ký Hợp đồng hợp tác đầu t- với Cty Handico. VCG chiếm 45%. Handico thay mặt LD triển khai các thủ tục đầu t- cho dự án. - Hiện Tcty đang phối hợp với Handico rà soát lại quy hoạch, ph- ơng án đầu t- để sớm trình Thành phố phê duyệt. - Triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu t- dự án.

TT	Danh mục các dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo
9	Dự án HH - đất đối ứng dự án Bảo tàng	TCT Vinaconex - OTL (20-80)	Khu đất HH khu đô thị mới Đông Nam Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy	2014-2018	- Diện tích sử dụng đất: 48.075 m ² - Tổng mặt bằng được thiết kế thành hai khối nhà: cao từ 21 đến 28 tầng.	7.732,00	- Đã hoàn thành việc xác định giá đất để làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ với Thành phố. Hiện đang làm việc với Sở ban ngành để thực hiện công tác đối trừ tiền SDD theo hình thức Hợp đồng BT dự án Bảo tàng HN. - Đang triển khai các thủ tục chuẩn bị
10	Dự án Cụm nhà ở hỗn hợp tại lô đất B3, Khu đô thị mới Nam Cầu Trần Thị Lý, TP Đà Nẵng	Vinaconex	B3 - Khu dân cư - nam cầu Trần Thị Lý - TP Đà Nẵng	2010 - 2015	- Diện tích sử dụng đất: 21.249,9 m ² - Cụm công trình nhà ở hỗn hợp cao tầng gồm 5 tòa nhà cao tầng: 2 tháp cao 17 -21 tầng khối đế 2 tầng; 2 tòa cao 25 tầng khối đế 1 tầng; tầm hầm liên thông - Tổng diện tích sàn xây dựng: 149.565,63 m ² - Tổng diện tích sàn kinh doanh: 99.912 m ² - Khối căn hộ có 992 căn hộ, diện tích từ 71 đến 194 m ²	1.302,27	- Các thủ tục chuẩn bị đầu tư đã xong cơ bản. - Đang khảo sát lại thị trường để sẵn sàng triển khai dự án vào thời điểm thích hợp
11	Dự án cải tạo Khu chung cư cũ Thợ Đĩnh và Thanh Xuân Bắc	Vinaconex	Thanh Xuân Bắc và Thợ Đĩnh		Cải tạo khu chung cư cũ		- Triển khai các thủ tục để thực hiện công tác điều tra xã hội học và lập nhiệm vụ quy hoạch, đề xuất cơ chế. - Thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án
II	Các dự án đang nghiên cứu và thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư:						
1	Dự án cải tạo khu chung cư cũ 93 Láng Hạ	Liên doanh giữa Vinaconex và Cty An Thịnh (Vinaconex chiếm cổ phần chi phối)	93 Láng Hạ		- Tổng diện tích khu đất nghiên cứu: 5.159 m ² . - Diện tích đất xây dựng: 2.582 m ² - Diện tích sàn xây dựng: (cả tầng hầm): 77.063,1 m ² - xây dựng khu chung cư 27 tầng	1.040,00	Đang làm việc với đối tác xây dựng ph- ứng án hợp tác đầu tư để triển khai công tác GPMB và các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án.
2	Dự án Khu đô thị nhà ở xã hội Đại Áng	Hợp tác đầu tư giữa Vinaconex và HUD.VN	xã Đại Áng, Thanh Trì, HN	2013-2020	Khu đất nghiên cứu có diện tích khoảng 65ha (nhà ở xã hội chiếm 80%; nhà ở thương mại 20%) gồm: lô đất C1-3 có diện tích khoảng 26,9 ha; lô đất C3-1 có diện tích khoảng 23,51 ha; phần mở rộng gồm đất ở, đất trồng học, cây xanh		Đang phối hợp với HUD.VN để thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án.
3	Dự án N- ốc Dung Quất giai đoạn 2	Tcty (chi phối) và Cty TNHH công trình TL Quảng Ngãi	Dung Quất		Công suất: 125.000 m ³ /ngày đêm	827,00	Nghiên cứu đề xuất dự án để sẵn sàng triển khai dự án ngay khi Khu kinh tế Dung Quất có nhu cầu sử dụng n- ốc.

TT	Danh mục các dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quy mô dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo
4	Các dự án thủy điện vừa và nhỏ nh- : - Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát. - Dự án thủy điện Minh L- ơng, Suối Chăn 1	Nghiên cứu hợp tác đầu t-	Lào Cai Yên Bái				Đang làm việc với đối tác, đơn vị T- vấn và địa ph- ơng để khảo sát nghiên cứu dự án
5	Một số các dự án cấp n- ớc nh- : n- ớc Vững Rô (Phú Yên), Hòa Liên (Đà Nẵng)	Nghiên cứu hợp tác đầu t-					Đang làm việc với địa ph- ơng và đối tác để nghiên cứu và đề xuất ph- ơng án hợp tác đầu t- .
	Và một số dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu						

PHỤ LỤC II: THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư	Vốn góp của TCTy Vinaconex đến thời điểm 31/12/2014		Tóm tắt tình hình hoạt động và tình hình tài chính của đơn vị trong năm 2014
						%	Vốn thực góp theo mệnh giá	
I	Các Công ty con			2.829.526.221.985	1.750.861.734.742		1.625.469.776.146	
1	Cty CP XD Số 1	D9, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân Bắc - Thanh xuân- HN	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	74.000.000.000	63.629.128.791	55,14%	40.800.000.000	Tổng giá trị tài sản 628.785 triệu đồng; Doanh thu thuần 456.529 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 12.872 triệu đồng; Lợi nhuận khác 1.483 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 14.355 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 11.734 triệu đồng; LN sau thuế chưa phân phối 55.909 triệu đồng.
2	Cty CP XD Số 2	52 Lạc Long Quân - Tây Hồ - Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	120.000.000.000	95.559.621.809	51,23%	61.481.140.000	Tổng giá trị tài sản 1.611.131 triệu đồng; Doanh thu thuần 606.072 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 19.597 triệu đồng; Lợi nhuận khác 2.996 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 22.593 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 16.591 triệu đồng;
3	Cty CP XD Số 3	249 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	80.000.000.000	72.323.619.331	51,00%	40.800.000.000	Tổng giá trị tài sản 1.297.643 triệu đồng; Doanh thu thuần 506.827 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 21.195 triệu đồng; Lợi nhuận khác 1.230 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 22.425 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 17.576 triệu đồng;
4	Cty CP XD Số 4	47 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Cao, Quận 1 TP HCM	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	3.500.000.000	3.500.000.000	100,00%	3.500.000.000	Tổng giá trị tài sản 70.875 triệu đồng; Doanh thu thuần 0 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -63 triệu đồng; Lợi nhuận khác 189 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 126 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 126 triệu đồng; Lũy kế đến 31/12/2014 là -28.818 triệu đồng.
5	Cty CP XD Số 5	Số 203, Trần Phú, Ba Đình, Bim Sơn, Thanh Hóa	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	50.000.000.000	33.026.714.843	51,00%	25.500.000.000	Tổng giá trị tài sản 661.687 triệu đồng; Doanh thu thuần 293.293 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -347 triệu đồng; Lợi nhuận khác 714 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 367 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 268 triệu đồng;
6	Cty CP XD Số 7	Tầng 18, Tòa tháp Vinaconex 9, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Từ Liêm, Hà Nội	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, Đầu tư, kinh doanh BĐS	80.000.000.000	36.999.031.017	36,00%	28.800.000.000	Tổng giá trị tài sản 402.857 triệu đồng; Doanh thu thuần 429.246 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 16.583 triệu đồng; Lợi nhuận khác -7.927 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 8.655 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 4.808 triệu đồng; VCG giảm tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ Công ty từ 51% xuống 36% vào tháng 12/2014.

7	Cty CP XD Số 9	Tòa nhà Vinaconex 9, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	120.000.000.000	84.072.109.967	54,33%	65.198.250.000	Tổng giá trị tài sản 1.577.744 triệu đồng; Doanh thu thuần 716.211 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 14.468 triệu đồng; Lợi nhuận khác -3.426 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 11.042 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 4.591 triệu đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2014 là 12.546 triệu đồng.
8	Vinaconex Đà Nẵng	89A Đường Phan Đăng Lưu, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	10.395.320.000	8.313.000.000	73,59%	7.650.000.000	Tổng giá trị tài sản 85.716 triệu đồng; Doanh thu thuần 8.773 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.249 triệu đồng; Lợi nhuận khác -127 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 1.122 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 1.122 triệu đồng;
9	Cty CP XD Số 12	Tầng 19, Tòa tháp Vinaconex 9, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Từ Liêm, Hà Nội	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	58.180.000.000	34.338.162.683	52,60%	30.600.000.000	Tổng giá trị tài sản 450.496 triệu đồng; Doanh thu thuần 544.178 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 21.452 triệu đồng; Lợi nhuận khác -2.101 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 19.351 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 8.820 triệu đồng;
10	Cty CP XD Số 15	Số 53, Đường Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	100.000.000.000	55.236.137.563	51,00%	51.000.000.000	Tổng giá trị tài sản 254.735 triệu đồng; Doanh thu thuần 765 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -29.040 triệu đồng; Lợi nhuận khác -83 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế -29.128 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -29.128 triệu đồng; Lỗ lũy kế tại 31/12/2014 là -97.539 triệu đồng .
11	Cty CP XD 16	Số 3 Lê Hồng Phong, Thành Phố Vinh, Nghệ An	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	15.000.000.000	8.565.440.415	51,93%	7.789.000.000	Tổng giá trị tài sản 136.970 triệu đồng; Doanh thu thuần 20.188 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -5.613 triệu đồng; Lợi nhuận khác 3.216 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế -2.398 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -2.398 triệu đồng; Lỗ lũy kế -13.321 triệu đồng.
12	Cty CP XD Số 17	184 Lê hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	15.063.862.755	14.402.806.485	82,16%	12.375.836.146	Tổng giá trị tài sản 64.153 triệu đồng; Doanh thu thuần 64.850 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 3.130 triệu đồng; Lợi nhuận khác -455 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 2.675 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 1.894 triệu đồng;
13	Cty CP Vinaconex 25	Số 89A Phan Đăng Lưu, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, Đầu tư, kinh doanh BĐS	60.000.000.000	35.109.154.062	51,00%	30.600.000.000	Tổng giá trị tài sản 601.412 triệu đồng, Doanh thu thuần 882.195 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 23.579 triệu đồng, Lợi nhuận khác 3.035 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 26.614 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 20.620 triệu đồng.
14	Cty CP Vinaconex 27	Số 10 Nguyễn Văn Tre, Phường 1, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	17.792.770.000	10.199.770.000	57,33%	10.200.000.000	Tổng giá trị tài sản 70.252 triệu đồng, Doanh thu thuần 22.679 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -2.544 triệu đồng, Lợi nhuận khác 1.309 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế -1.234 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -1.234 triệu đồng. Lỗ lũy kế -6.167
15	Cty CP ĐTPPT Điện Miền Bắc 2	Số 100 Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, TP Lào Cai, Tỉnh Lào cai	Đầu tư, xây dựng các dự án thủy điện, sx và kinh doanh điện năng	415.296.507.000	317.000.007.633	76,33%	317.000.000.000	Tổng giá trị tài sản 2.034.449 triệu đồng, Doanh thu thuần 0 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 161 triệu đồng, Lợi nhuận khác 29 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 190 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 148 triệu đồng. Công ty đã đầu tư xong dự án Thủy điện Ngòi Phát.
16	Cty CP VIMECO	Lô E9, Đường Phạm Hùng, Trung hòa, Cầu Giấy, HN	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	100.000.000.000	74.742.411.830	51,41%	51.409.000.000	Tổng giá trị tài sản 1.049.515 triệu đồng, Doanh thu thuần 888.409. triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 23.828 triệu đồng, Lợi nhuận khác 701 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 24.529 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 19.172 triệu đồng.

17	Cty CP Vinaconex Sài Gòn	47 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Cao, Quận 1 TP HCM	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	61.014.930.000	51.589.090.505	76,25%	46.524.720.000	Tổng giá trị tài sản 201.175 triệu đồng, Doanh thu thuần 78.889 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -10.100 triệu đồng, Lợi nhuận khác 2.302 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế -8.160 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -8.160 triệu đồng.
18	Cty CP VINACONSULT	Tầng 4-5 nhà D9, P.Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	Tư vấn thiết kế	11.000.000.000	6.799.399.132	51,00%	5.610.000.000	Tổng giá trị tài sản 92.018 triệu đồng, Doanh thu thuần 18.051 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -2.055 triệu đồng, Lợi nhuận khác -19 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế -2.075 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -2.075 triệu đồng. Lũy kế 31/12/2014 là -11.165 triệu đồng.
19	Cty CP XD&XNK Quyết Thắng	Km7, Quốc lộ 26 - P. Tân Hòa - TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	11.000.000.000	6.160.000.000	56,00%	6.160.000.000	Tổng giá trị tài sản 19.880 triệu đồng, Doanh thu thuần 0 triệu đồng, Lũy kế đến 31/12/2014 là -47.025 triệu đồng.
20	Cty CP ĐT và DV đô thị VN -Vinasinco	Số 62 Nguyễn Thị Định - Trung Hòa- Cầu giấy - HN	Thương mại, dịch vụ	10.000.000.000	4.770.541.550	75,00%	7.500.000.000	Tổng giá trị tài sản 35.852 triệu đồng, Doanh thu thuần 104.237 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 5.527 triệu đồng, Lợi nhuận khác 165 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 5.691 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 4.450 triệu đồng.
21	Cty CP ĐT XD và KD nước sạch Viwaco	Tầng 1, Nhà 17T7, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội	SX và kinh doanh nước sạch	80.000.000.000	42.880.769.436	51,00%	40.800.000.000	Tổng giá trị tài sản 368.233 triệu đồng; Doanh thu thuần 349.356 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 37.508 triệu đồng; Lợi nhuận khác 411 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 37.920 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 35.627 triệu đồng; LN sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2014 là 46.474 triệu đồng.
22	Cty CP Siêu thị và XNK TM VN	P308 Tòa nhà thời trang khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - TX-HN	Thương mại, dịch vụ	15.000.000.000	8.440.856.790	51,00%	7.650.000.000	Do không có mặt bằng nên trong năm 2014, Công ty tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh, thu gọn bộ máy nhân sự nhằm bảo toàn nguồn vốn kinh doanh và tiết giảm chi phí chờ cơ hội kinh doanh mới. Lũy kế 31/12/2014 là -7.956 triệu đồng
23	Cty CP ĐT và PT du lịch Vinaconex (ITC)	Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	360.000.000.000	192.800.000.000	53,56%	192.800.000.000	Tổng giá trị tài sản 880.337 triệu đồng; Doanh thu thuần 41.570 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 2.110 triệu đồng; Lợi nhuận khác -5,6 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 2.105 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 2.105 triệu đồng; Lũy kế -63.928 triệu đồng.
24	Cty CP ĐT PT Nhà và Đô thị Vinaconex (VINAHUD)	Tòa nhà Vinahud, Đường Trung Yên 9, Trung Hòa, Cầu giấy, HN	Quản lý dự án, giám sát thi công đầu tư, XD và kinh doanh BĐS	70.000.000.000	49.000.000.000	70,00%	49.000.000.000	Tổng giá trị tài sản 136.365 triệu đồng; Doanh thu thuần 47.660 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -3.150 triệu đồng; Lợi nhuận khác -950 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế -4.100 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -5.976 triệu đồng; LN sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2014 là 917 triệu đồng.
25	Cty CP PT Thương mại Vinaconex (Chợ Mơ)	459C Phố Bạch Mai, P. Trương Định, Hai Bà Trưng, HN	Thương mại, dịch vụ	200.000.000.000	110.000.000.000	55,00%	110.000.000.000	Tổng giá trị tài sản 1.299.629 triệu đồng; Doanh thu thuần 10.739 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -3.633 triệu đồng; Lợi nhuận khác 333 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế -3.300 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -3.300 triệu đồng; Lũy kế -6.879 triệu đồng.
26	Cty TNHH MTV Nước sạch Vinaconex	Xóm Vật Lại, Xã Phú Minh, Huyện Kỳ Sơn, Hòa Bình	SX và kinh doanh nước sạch	500.000.000.000	255.000.000.000	51,00%	255.000.000.000	Tổng giá trị tài sản 1.092.279 triệu đồng; Doanh thu thuần 361.290 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 89.762 triệu đồng; Lợi nhuận khác -15 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 89.746 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 89.747 triệu đồng;

27	Cty CP Vận tải Vinaconex	Tầng 20, Tòa nhà Vinaconex 9, Phạm Hùng, Từ Liêm, HN	Thương mại, dịch vụ	110.071.832.230	22.666.520.900	59,12%	65.071.830.000	Tổng giá trị tài sản 19.176 triệu đồng; Doanh thu thuần 0 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh - 5.773 triệu đồng; Lợi nhuận khác -55.056 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế - 60.829 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế - 60.829 triệu đồng; Lỗ lũy kế đến 31/12/2014 là -161.895 triệu đồng.
28	Cty cổ phần Vinaconex Dung Quất	Khu ĐTM Vạn Tượng, Xã Bình Trị, Huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi	Thương mại, dịch vụ	49.211.000.000	47.000.000.000	95,51%	47.000.000.000	Tổng giá trị tài sản 58.200 triệu đồng; Doanh thu thuần 30.913 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 8.950 triệu đồng; Lợi nhuận khác -1.313 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 7.637 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 5.749 triệu đồng
29	Công ty CP VIPACO	P702, Tòa nhà 34T Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - TX-HN	Sản xuất bao bì	30.000.000.000	5.312.500.000	21,25%	6.375.000.000	Tính cả vốn góp gián tiếp qua các Công ty thành viên khác: 53,13% vốn điều lệ. Tổng giá trị tài sản 46.252 triệu đồng; Doanh thu thuần 4.987 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -7.929 triệu đồng; Lợi nhuận khác - 3.826 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế - 11.755 triệu
30	Cty CP TV, ĐT XD và UD CNM (R&D)	Tầng 3, Tòa nhà Vimeco, Đường Phạm Hùng, P. Trung Hòa, Cầu Giấy, HN	Tư vấn thiết kế	3.000.000.000	1.424.940.000	42,50%	1.275.000.000	Tổng giá trị tài sản 34.342 triệu đồng, Doanh thu thuần 17.278 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.049 triệu đồng, Lợi nhuận khác 106 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 1.155 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 839 triệu đồng, LN sau thuế chưa PP tại ngày 31/12/2014
II	Các Công ty liên doanh, liên kết, có vốn góp từ 20% đến 50%			4.828.084.704.476	1.602.047.783.306	3	1.579.814.480.800	
1	CTY TNHH Ld QT Vinaconex - Taisei	289 Khuất Duy Tiến, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	66.894.480.000	20.110.184.541	29,00%	19.399.399.200	Vốn góp tương đương 922.200 USD. Tổng giá trị tài sản 702.331 triệu đồng, Doanh thu thuần 1.421.020 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 33.869 triệu đồng, Lợi nhuận khác 20.545 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 54.414 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 39.172 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế chưa PP tại 31/12/2014 là 145.694 triệu đồng.
2	Cty LD TNHH PT ĐTM An Khánh	Km10+600, Đại Lộ Thăng Long, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, HN	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh BĐS	680.538.000.000	340.269.000.000	50,0%	340.269.000.000	Tổng giá trị tài sản 7.007.581 triệu đồng, Doanh thu thuần 1.771.769 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh -15.081 triệu đồng, Lợi nhuận khác 25.183 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 10.102 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 4.514 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế chưa PP tại 31/12/2014 là -253.713 triệu đồng.
3	Cty CP ĐT và phát triển Năng Lượng Vinaconex (Vinaconex P&C)	Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sx và kinh doanh điện năng	380.000.000.000	110.915.000.000	29,19%	110.915.000.000	Tổng giá trị tài sản 472.235 triệu đồng, Doanh thu thuần 119.547 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 135.500 triệu đồng, Lợi nhuận khác 3 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 135.504 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 128.720 triệu đồng
4	Cty CP XD Số 11	Tầng 1, Tòa nhà Vinaconex, Trung Hòa, Nhân Chính	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	83.998.890.000	40.833.913.053	30,36%	25.500.000.000	Tổng giá trị tài sản 1.254.396 triệu đồng, Doanh thu thuần 354.673 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.484 triệu đồng, Lợi nhuận khác -5.123 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế -3.638 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế -3.638 triệu đồng. Lỗ lũy kế đến 31/12/2014 là -61.383 triệu đồng

5	Cty CP Xi măng Yên Bình	Tổ 5, Thị Trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái	Sản xuất Xi Măng	265.300.000.000	66.559.995.000	25,09%	66.560.000.000	Tổng giá trị tài sản 895.789 triệu đồng, Doanh thu thuần 667.409 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 15.323 triệu đồng, Lợi nhuận khác 10.188 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 25.511 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 25.511 triệu đồng. Lũy kế đến 31/12/2014 là -177.430 triệu đồng.
6	Cty CP Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Tầng 1, Tòa 17T6, Khu ĐTM Trung Hòa, Nhân Chính, TX, HN	Thương mại, dịch vụ	30.000.000.000	13.260.000.000	44,20%	13.260.000.000	Tổng giá trị tài sản 151.459 triệu đồng, Doanh thu thuần 38.358 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.365 triệu đồng, Lợi nhuận khác 3.475 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 4.840 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 3.709 triệu đồng. LN sau thuế chưa phân phối 16.252
7	Cty CP Vinaconex 6	VP tầng 5, Tòa nhà 29T2, Lô N05 - Trần Duy Hưng, Trung Hòa, HN	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp	80.000.000.000	34.788.609.112	36,00%	28.800.000.000	Tổng giá trị tài sản 546.091 triệu đồng; Doanh thu thuần 582.040 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 11.846 triệu đồng; Lợi nhuận khác 714 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 12.561 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 7.806 triệu đồng;
8	Cty CP Xi măng Cẩm Phả	Km 6, Quốc lộ 18A, Phường Cẩm Thạch, TX Cẩm Phả, Quảng Ninh	Sản xuất Xi Măng	2.000.000.000.000	600.000.000.000	30,00%	600.000.000.000	Tổng giá trị tài sản 5.790.101 triệu đồng; Doanh thu thuần 2.471.079 triệu đồng; Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 90.731 triệu đồng; Lợi nhuận khác 5.319 triệu đồng; Lợi nhuận trước thuế 96.051 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 96.051 triệu đồng; LN sau thuế chưa PP đến 31/12/2014 là -1.594.457 triệu đồng.
9	Cty Tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel	Tầng 1, Tòa 18T2, Khu ĐTM Trung Hòa, Nhân Chính, TX, HN	Tài Chính, Ngân Hàng	1.000.000.000.000	330.000.000.000	33,00%	330.000.000.000	
10	Công ty CP ĐT BOT Hà Nội - Bắc Giang	Số 14, lô B1 khu đô thị mới Nam từ Sơn, Xã Phù Chẩn, TX Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư hạ tầng giao thông	211.353.334.476	42.111.081.600	19,92%	42.111.081.600	Tổng giá trị tài sản 212.323 triệu đồng; Công ty trong giai đoạn đầu tư, chưa có doanh thu, lợi nhuận.
11	Cty CP Ống sợi thủy tinh Vinaconex	Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	Sản xuất Công Nghiệp	30.000.000.000	3.200.000.000	10,00%	3.000.000.000	Tính cả vốn góp gián tiếp qua các đơn vị thành viên: tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty: 20,39%. Tổng giá trị tài sản 47.725 triệu đồng, Doanh thu thuần 24.825 triệu đồng, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 1.170 triệu đồng, Lợi nhuận khác -268 triệu đồng, Lợi nhuận trước thuế 902 triệu đồng, Lợi nhuận sau thuế 218 triệu đồng
Tổng cộng (I+II)				7.657.610.926.461	3.352.909.518.048		3.205.284.256.946	

**PHỤ LỤC III: BẢNG TỔNG HỢP THU NHẬP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014**

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, tiền thưởng	Tiền thù lao HĐQT, BKS tại Tcty	Tiền thù lao HĐQT, BKS tại các đơn vị thành viên	Tổng thu nhập	Thu nhập bình quân 1 tháng sau thuế	Ghi chú
1	2	3	4	4	6	7	8	9
I	HĐQT, BKS chuyên trách (trực tiếp tham gia điều hành hoạt động SXKD)		5 327 119 238	411.000.000	224 000 000	5 962 119 238		
1	Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch HĐQT	1 191 781 250	75.000.000	28 500 000	1 295 281 250	84 421 068	
2	Vũ Quý Hà	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	969 215 625	60.000.000	49 500 000	1 078 715 625	71 430 430	
3	Đình Việt Tùng	Thành viên HĐQT - Phó TGĐ	461 888 613	60.000.000	17 000 000	538 888 613	32 750 169	Trả cho Tổng Công ty SCIC (thôi tham gia ban điều hành TCT từ 01/7/2014)
4	Đoàn Châu Phong	Thành viên HĐQT	720 488 750	60.000.000	40 500 000	820 988 750	57 521 010	
5	Nguyễn Đình Thiết	Thành viên HĐQT	720 488 750	60.000.000	40 500 000	820 988 750	57 521 010	
6	Đặng Thanh Huấn	Trưởng Ban kiểm soát	628 963 125	60.000.000	30 000 000	718 963 125	51 335 195	
7	Phạm Chí Sơn	TV BKS - GD Ban ĐNPC	634 293 125	36.000.000	18 000 000	688 293 125	49 418 320	
II	HĐQT, BKS không chuyên trách			660.000.000		660 000 000		
1	Nguyễn Thiều Quang	Thành viên HĐQT		120.000.000		120 000 000	9 000 000	Trả cho cá nhân
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT		120.000.000		120 000 000	10 000 000	Trả cho Tập đoàn Viettel
3	Hoàng Anh Xuân	Thành viên HĐQT		40.000.000		40 000 000	10 000 000	Trả cho Tập đoàn Viettel
4	Lê Đăng Dũng	Thành viên HĐQT		80.000.000		80 000 000	10 000 000	Trả cho Tập đoàn Viettel
5	Phạm Phú Trường	Thành viên BKS		60.000.000		60 000 000	5 000 000	Trả cho Tập đoàn Viettel
6	Hoàng Nguyên Học	Thành viên HĐQT		120.000.000		120 000 000	10 000 000	Trả cho Tổng Công ty SCIC
7	Vũ Hồng Tuấn	Thành viên BKS		60.000.000		60 000 000	5 000 000	Trả cho Tổng Công ty SCIC
8	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS		60.000.000		60 000 000	5 000 000	Trả cho Tổng Công ty SCIC
TỔNG CỘNG			5 327 119 238	1.071.000.000	224 000 000	6 622 119 238		

Ghi chú: Ông Hoàng Anh Xuân thôi tham gia HĐQT và thay bằng Lê Đăng Dũng kể từ ngày 14/4/2014



Xây những giá trị, dựng những ước mơ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
VIETNAM CONSTRUCTION AND IMPORT-EXPORT JOINT STOCK CORPORATION

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX – 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 62849234 **Fax:** (84-4) 62849208
Email: info@vinaconex.com.vn **www.vinaconex.com.vn**